



**PETRO VIETNAM CONSTRUCTION J.S.C.
PETROLEUM INDUSTRIAL AND CIVIL
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

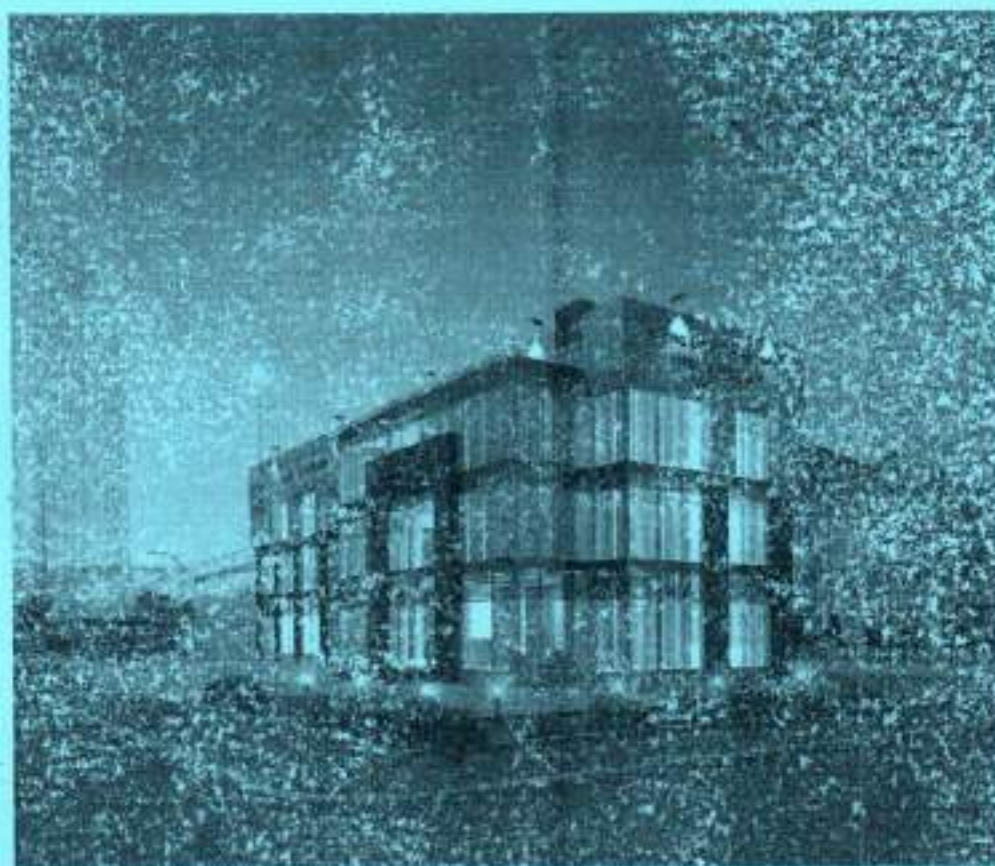
No. 35D, 30/4 Street, Ward 9, Vungtau City, Baria-Vungtau, Vietnam
Tel: (84) 254 3627433- Fax: (84) 254 3839925 - Website: www.pvc-ic.com.vn

Stock Code: PXI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG
NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**



Vũng Tàu tháng 04/2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề kinh doanh	4
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	4
4. Định hướng phát triển	5
4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	5
4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	6
5. Các rủi ro	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021	8
1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh	8
2. Tổ chức và nhân sự	9
2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành	9
2.2. Thành viên Hội đồng quản trị	10
2.3. Ban Giám đốc	17
2.4. Kế toán trưởng	19
2.5. Ban Kiểm soát.....	21
2.6. Những thay đổi trong Ban điều hành.....	24
2.7. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	25
2.8. Chính sách đào tạo.....	25
2.9. Chính sách lương.....	26
2.10. Các chính sách đãi ngộ khác	26
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	26
4. Tình hình tài chính:	27
4.1. Kết quả kinh doanh năm 2021	27
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	27
5. Cơ cấu cổ đông.....	28
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	28
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu	29
6.2. Tiêu thụ năng lượng điện và tiêu thụ nước.....	30
6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	30

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động.....	30
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	30
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	30
1.1 Giá trị sản xuất kinh doanh:	30
1.2 Phân tích một số các chỉ tiêu cụ thể.....	31
1.3 Hoạt động đầu tư:	33
1.4 Công tác nghiệm thu thanh quyết toán	33
1.5 Thu nhập bình quân:.....	33
2. Tình hình tài chính	33
2.1 Tình hình tài sản:	33
2.2 Các chỉ tiêu chính đã thực hiện năm 2021.....	33
2.3 Công tác thu hồi công nợ:	35
2.1 Công tác tiếp thị đấu thầu:.....	37
2.2 Công tác tái cơ cấu và thoái vốn:.....	37
3. Kế hoạch năm 2022:.....	37
3.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính:	37
3.2. Công tác thu hồi công nợ:	38
3.3. Công tác tiếp thị đấu thầu:.....	39
3.4. Công tác tái cơ cấu và thoái vốn:.....	39
3.5. Công tác đầu tư:.....	39
3.6. Kết luận:.....	39
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	39
1. Việc lãnh đạo thực hiện mục tiêu năm 2021:	40
1.1. Công tác chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021: ...	40
1.2. Công tác giám sát:	42
2. Hoạt động của HĐQT năm 2021	45
2.1. Công tác nhân sự năm 2021	45
2.2. Hoạt động của HĐQT:.....	45
3. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:	52
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2021:.....	53
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	54

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát**

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**
- Tên tiếng Anh **PETROLEUM INDUSTRIAL AND CIVIL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **PVC – IC**
- Logo của Công ty



- Vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng chẵn)
- Trụ sở chính Số 35D, Đường 30/4, Phường 9, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại (0254) 3 834 784 Fax (0254) 3 839 925
- Email info@pvc-ic.com.vn Website <http://pvc-ic.com.vn>
- Mã cổ phiếu PXI
- Tài khoản số 5107 040 040 380 Ngân hàng TMCP Petrolimex – Chi nhánh Vũng Tàu.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500832971 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 và cấp thay đổi lần thứ năm (05) ngày 31/03/2020.
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, được thành lập ngày 21/12/2007 theo quyết định số 03/QĐ-HĐQT-TCT của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4904000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28/12/2007 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ đồng). Nhiệm vụ chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành Dầu khí; Đầu tư, xây lắp các công trình chuyên ngành Dầu khí; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng, cấp thoát nước; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ.

Sau gần ba năm hoạt động, Công ty ngày càng phát triển. Sản lượng và lợi nhuận của Công ty không ngừng gia tăng, thu nhập của người lao động được nâng cao. Công ty trở thành một đơn vị chủ lực về xây dựng công nghiệp và dân dụng của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

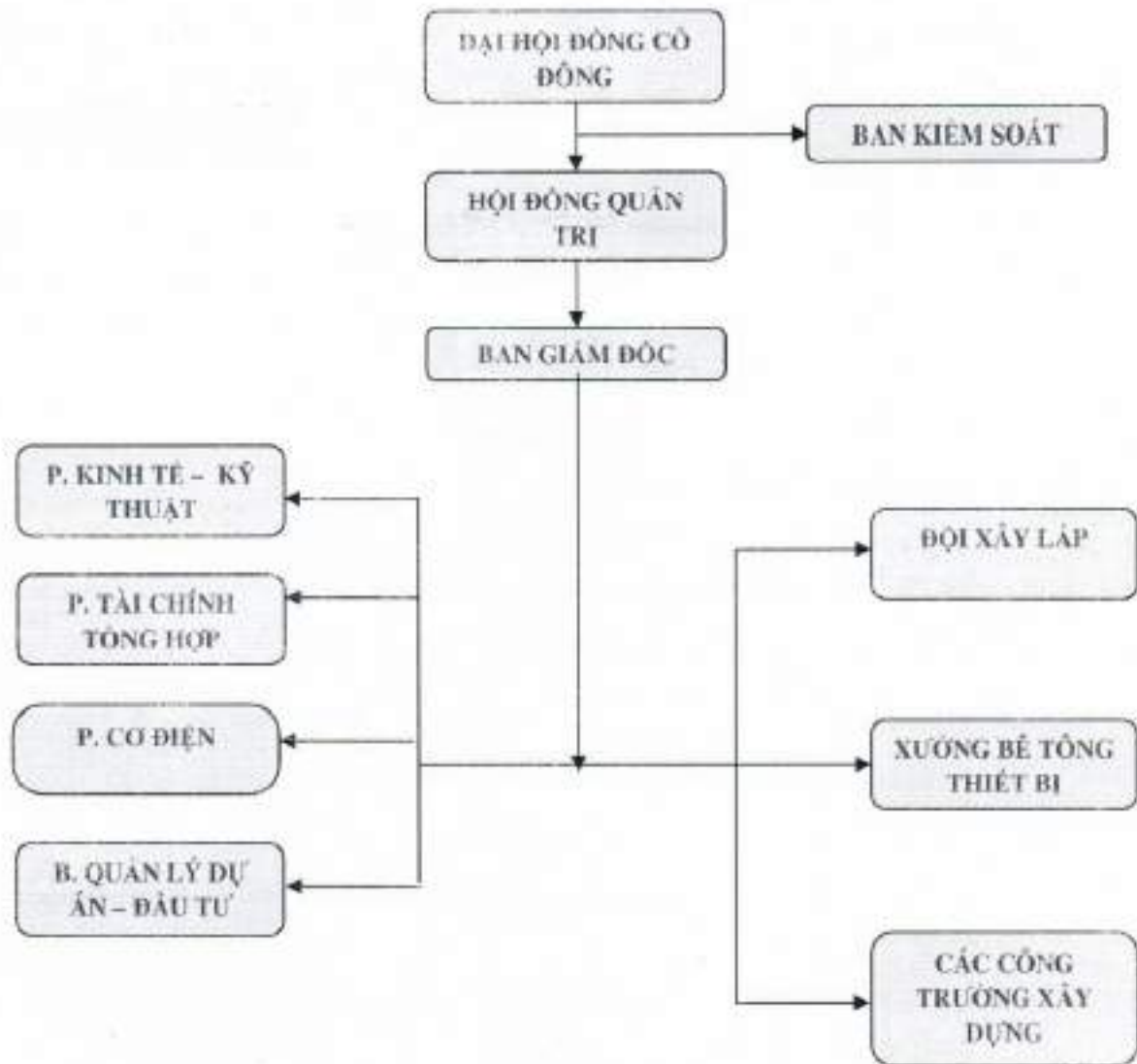
Nhằm chủ động hơn trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty đã đề xuất phương án và được Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phê duyệt việc chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH 1 TV sang Công ty Cổ phần vào ngày 16/11/2009 theo quyết định số 964/QĐ-XLĐK. Dựa trên quyết định này, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 với vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Ngày 21/06/2010, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên Sở GDCK TP HCM.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng công nghiệp dân dụng; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu đô thị;
- Thi công, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống: báo cháy tự động, chữa cháy, chống sét, camera quan sát, tổng đài điện thoại, thang máy, điện, điện lạnh, hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước;
- Kinh doanh các thiết bị, máy móc, vật tư ngành xây dựng, công nghiệp và khai khoáng;
- Lập dự án đầu tư; thiết kế kết cấu công trình dân dụng; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Sản xuất gạch nhẹ;
- Sản xuất chế tạo thang cáp, máng cáp, bảng tủ điện, bảng tủ điều khiển các loại;
- Gia công cơ khí (không sản xuất tại các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và Phường Thắng Tam của TP Vũng Tàu);
- Thi công xây dựng đường dây và trạm biến thế điện trung thế đến 35 KV.

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Xây dựng và phát triển PVC-IC thành một Công ty Xây lắp, có trình độ quản lý và công nghệ thi công xây lắp đủ để quản lý và triển khai những dự án công nghiệp, dân dụng và các dự án của ngành Dầu khí theo hình thức tổng thầu EPC.

Tiếp tục khai thác và nâng cao tỷ trọng trong lĩnh vực xây dựng công trình công nghiệp chiếm khoảng 70% - 80% trong tổng doanh thu xây lắp của PVC-IC, đây là thế mạnh của PetroVietnam.

Duy trì và phát triển thế mạnh hiện có của PVC-IC trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng tiến tới nhận thầu các công trình cao ốc theo hình thức tổng thầu EPC, hoặc hình thức chìa khóa trao tay

Ngoài các mục tiêu chủ yếu, trên cơ sở đánh giá tổng quan thị trường và vị trí của PVC-IC, HĐQT xác định các mục tiêu cơ bản của năm 2021:

- Đạt những chỉ tiêu kinh tế theo đúng kế hoạch đã đề ra.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì vị trí hàng đầu trong lĩnh vực thi công xây dựng theo hướng nhận thầu công trình có qui mô từ vừa đến lớn, yêu cầu kỹ - mỹ thuật cao.
- Tiếp tục củng cố uy tín thương hiệu, đáp ứng ngày càng cao các tiêu chuẩn về “Chất lượng, Đổi mới Sáng tạo và Năng lực Lãnh đạo”.
- Khởi công xây dựng và đưa vào thị trường những sản phẩm phù hợp của ít nhất một dự án bất động sản.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh về mọi mặt.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong giai đoạn nền kinh tế khó khăn như hiện nay, PVC-IC vẫn quyết tâm phấn đấu mức tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2017 đến 2025 như sau:

- ✓ Giai đoạn - Từ năm 2018 đến năm 2021: Đây là giai đoạn mà nền kinh tế đang rất khó khăn, một phần do dịch bệnh COVID-19 nên các dự án đầu tư gần như đóng băng hoặc triển khai rất hạn chế. Do đó giá trị SXKD của PVC-IC cũng ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên Công ty cũng phấn đấu đạt được một số tiêu chí
 - Giá trị SXKD phần đầu mức tăng trưởng đạt 0% - 1% năm.
 - Tập trung thu hồi công nợ các dự án đã hoàn thành để giảm tối đa lãi vay ngân hàng.
 - Tái cơ cấu tinh gọn bộ máy quản lý điều hành, tiết giảm tối đa chi phí.
- ✓ Giai đoạn - Từ năm 2022 đến năm 2025:
 - Giá trị SXKD phần đầu mức tăng trưởng đạt 2% đến 4% năm.
 - Tìm kiếm và đầu tư với các đối tác để triển khai các dự án bất động sản, nhận thầu các dự án xây lắp có quy mô vừa và nhỏ, thời gian thi công nhanh.
- ✓ Giai đoạn - Từ năm 2025 đến 2030:
 - Giá trị SXKD phần đầu mức tăng trưởng đạt 10% đến 15% năm.
 - Tìm kiếm và đầu tư với các đối tác để triển khai các dự án bất động sản và tiến tới làm chủ đầu tư các dự án bất động sản để chủ động việc làm; nhận thầu các dự án xây lắp có quy mô từ 50 tỷ trở lên chiếm tỷ trọng lớn, thời gian thi công nhanh.
 - Phát triển kinh doanh thêm ngành nghề cung ứng dịch vụ, thương mại.
 - Phát triển PVC-IC thành Tổng công ty có qui mô lớn, lấy đầu tư xây dựng làm trung tâm và chiếm tỷ trọng 70% giá trị SXKD.

Để đạt được chiến lược trên, cần thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý tiên tiến để đáp ứng quản lý tốt và hiệu quả các công trình xây dựng có qui mô ngày càng lớn và yêu cầu kỹ - nghệ thuật cao.
- Cổ phần hóa phần vốn góp của Nhà nước trong cơ cấu vốn.
- Kêu gọi vốn góp từ các Cổ đông lớn, tập đoàn kinh tế, tập đoàn tài chính. Hợp tác với những công ty có nhiều kinh nghiệm và năng lực tài chính mạnh trong các lĩnh vực mà Công ty chưa có nhiều kinh nghiệm để mở rộng thị trường.
- Ứng dụng sâu rộng hệ thống Công nghệ thông tin vào công tác quản lý.
- Duy trì và nâng cao chất lượng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO.
- Từng bước mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều tỉnh thành khác trong cả nước. Xây dựng các đội thi công/Công ty con/Công ty liên kết chuyên nghiệp thi công Các công trình công nghiệp và Hạ tầng.
- Áp dụng các kỹ thuật thi công tiên tiến trên thế giới để nâng cao sức cạnh tranh của công ty nhờ vào việc thi công đạt tiến độ ngắn nhất, chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.
- Tạo dựng niềm tin và uy tín cao đối với khách hàng.
- Quản lý tốt các rủi ro, thu hồi kịp thời công nợ, hạn chế nợ xấu. Duy trì và Nâng cao uy tín của Công ty với các ngân hàng.
- Quản lý thi công, tài chính tốt để đạt các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đã đặt ra nhằm mang lại hiệu quả kinh tế và lợi ích cho cổ đông góp vốn.
- Tiếp tục củng cố uy tín thương hiệu, đáp ứng cao nhất các tiêu chuẩn của hội đồng thương hiệu Quốc gia.
- Đến cuối 2025, Công ty đứng trong top 100 các doanh nghiệp đầu tư xây dựng tại Việt Nam.
- Tạo môi trường làm việc hiệu quả, đẩy mạnh công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên. Nâng cao năng lực lãnh đạo các cấp quản lý. Tiếp tục hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp đặc sắc và mang tính nhân văn của Công ty. Nâng cao hình ảnh của Công ty một cách nổi bật trong thị trường đầu tư xây dựng để thu hút nhân tài cho sự phát triển bền vững.

Ảnh hưởng của Dịch Covid-19 được xem như “thuốc thử” đối với tất cả các doanh nghiệp. Những doanh nghiệp lớn với tiềm lực tài chính sẽ tận dụng thế mạnh để nắm bắt thời cơ phát triển, chiếm lĩnh thị phần; ngược lại, doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ khó có năng lực cạnh tranh, bị thu hẹp thị phần, một số phải đóng cửa. Tăng cường năng lực quản trị tài chính, xây dựng các kịch bản ứng phó và các phương án ổn định kinh doanh nhằm chuẩn bị cho giai đoạn phục hồi được xem là những yếu tố quan trọng

giúp doanh nghiệp tồn tại, tạo nên sức bật để phát triển vươn xa. Đây cũng chính là chiến lược hoạt động chính của PVC-IC trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

5. Các rủi ro

Trong thời gian tới tình hình đầu tư của ngành Dầu khí giảm, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch xây dựng cơ bản của tập đoàn đã được xây dựng. Trong khi đó, hầu hết các công trình xây lắp của công ty PVC-IC đều là các công trình trong ngành và sẽ phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động này trong thời gian tới.

Tình hình nợ xấu của các ngân hàng trong thời gian qua cũng đã được giải quyết một phần đáng kể. Tuy nhiên, vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để đặc biệt là các ngân hàng đang tìm mọi cách để làm đẹp tình hình tài chính của doanh nghiệp. Do đó, tuy lãi suất ngân hàng thời gian qua đã giảm, nhưng rất có thể trong thời gian tới lãi suất có thể lại tăng điều này cũng ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí tài chính của doanh nghiệp.

Trong một vài năm gần đây lực lượng lao động của ngành xây dựng liên tục giảm nguyên nhân là do thời gian vừa qua các khu công nghiệp ngày càng nhiều đã thu hút phần lớn lực lượng lao động trong xã hội. Trong khi PVC-IC đang chuyển dần sang xây lắp các công trình công nghiệp là chính nên cần một lực lượng lao động rất lớn dẫn đến tình trạng khan hiếm và đẩy mức chi phí nhân công lên rất cao.

Sự bùng phát dịch COVID-19 đã mang lại những thách thức chưa từng có, được dự báo sẽ có những tác động đáng kể đến sự phát triển nền kinh tế Việt Nam trong những năm tiếp theo. Hơn nữa, nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc nhiều vào các nền kinh tế khác. Do vậy, các kịch bản và dự đoán liên quan đến các tác động đối với kinh tế Việt Nam cũng tương quan với các tác động đối với kinh tế của các nước khác sau đợt bùng phát đại dịch COVID-19. Đặc biệt là giá dầu mỏ, khí đốt có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với các nền kinh tế, loại hình kinh tế chủ yếu do giá cả các loại mặt hàng leo thang tăng giá, trong đó Công ty chịu ảnh hưởng của các loại vật tư, nguyên liệu dùng trong sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng cao làm giảm lợi nhuận.

Giá đầu thầu đang rất cạnh tranh, nhiều đối thủ sẵn sàng phá giá để tồn tại.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (TH/KH)
I	Chỉ tiêu kinh tế tài chính				
1	Vốn điều lệ đầu năm	Tỷ đồng	300	300	100%
2	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	120	14,20	11,83%

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (TH/KH)
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	82	-10,81	-
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	- 30,32	-
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	- 30,32	-
II	Đầu tư	Tỷ đồng	-	-	-
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	-	-	-
2	Mua sắm MMTB	Tỷ đồng	-	-	-
III	Nộp NSNN	Tỷ đồng	5	2,42	48,44%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Ông Hồ Sỹ Hoàng	Phụ trách HĐQT kiêm Giám đốc	
2	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Đến ngày 28/12/2021 thôi làm TV HĐQT
3	Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên HĐQT	Đến ngày 28/12/2021 thôi làm TV độc lập HĐQT được bầu làm TV HĐQT
4	Ông Ngô Bùi Ngọc	Thành viên độc lập HĐQT	Đến ngày 28/12/2021 được bầu làm TV HĐQT
II	Ban Giám đốc		
1	Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc	
2	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	
3	Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
4	Ông Lê Ngọc Hoàng	Kế toán trưởng	

2.2. Thành viên Hội đồng quản trị

a. Phụ trách HĐQT kiêm Giám đốc - Hồ Sỹ Hoàng

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 22/8/1972
- Nơi sinh: Hà Linh, Hương Khê, Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Linh, Hương Khê, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Lô 10-11 Khu Làng cá Bến Đình, P.9, TP.Vũng Tàu
- Số CCCD: 042072000394. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 28/02/2020
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1999 đến 4/2003	Xí nghiệp Xây dựng số 1- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Cán bộ kỹ thuật
Từ 5/2003 đến 4/2006	Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh nhà số 1 - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Đội trưởng
Từ 5/2006 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh nhà số 1- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 1/2008 đến 11/2009	Công ty TNHH một TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Tổng Giám đốc
Từ 12/2009 đến 17/6/2019	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Từ 17/6/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Phụ trách HĐQT kiêm Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 54.700 cổ phần (03/12/2021)
 - Sở hữu đại diện (Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam): 15.300.000 cổ phần (03/12/2021)
 - Những người có liên quan: 99 cổ phần
 - Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.
- b. Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (Không làm TV HĐQT từ ngày 28/12/2021) - Nguyễn Văn Hoàn**
- Giới tính : Nam
 - Sinh ngày : 10/9/1965
 - Nơi sinh: Yên Tân, Ý Yên, Nam Định.
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Dân tộc: Kinh.
 - Quê quán: Ý Yên, Nam Định.
 - Địa chỉ thường trú: 65 Lương Thế Vinh, Phường 9, TP.Vũng Tàu.
 - Nơi ở hiện nay: 56A Yên Bái, Phường 4, TP.Vũng Tàu.
 - Số CMND: 273353672. Nơi cấp: CA tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Ngày cấp: 08/6/2006.
 - Trình độ văn hóa: 10/10.
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán xây dựng cơ bản.
 - Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị
 - Quá trình công tác:

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 đến 03/1999	Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kiểm soát viên thuế
Từ 04/1999 đến	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Kế toán tổng hợp

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2002		
Từ 08/2002 đến 06/2005	Xí nghiệp Xây dựng số 1 – thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 07/2005 đến 11/2005	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 12/2005 đến 11/2006	Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng	Phụ trách Ban Kiểm soát
Từ 12/2006 đến 03/2008	Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 03/2008 đến 07/2012	- Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng. - Công ty CP cấu kiện bê tông DIC Tín Nghĩa. - Công ty CP DIC Long Hương. - Công ty CP DIC Minh Hưng. - Công ty CP DIC Vật liệu	Trưởng Ban Kiểm soát Kiểm nhiệm : Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT
Từ 08/2012 đến 06/2013	- Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng. - Công ty CP DIC Phương Nam. - Công ty CP DIC Đồng Tiến. - Công ty CP DIC Hội An. - Công ty CP Gạch men Anh Em DIC.	Giám đốc Ban Đầu tư & Quản lý vốn. Kiểm nhiệm : Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT
Từ 07/2013 đến 03/2016	Công ty CP Du lịch & Thương mại DIC – thuộc Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2016 đến 05/2016	Nghỉ làm thủ tục chuyển công tác	
Từ 06/2016 đến 10/9/2018	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí – thuộc Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thành viên HĐQT
Từ 09/2018 đến	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp &	Thành viên HĐQT

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
nay	Dẫn dụng Dầu khí	kiêm Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 3.200 cổ phần (03/12/2021)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

c. Thành viên HĐQT (TV độc lập đến ngày 27/12/2021; TV HĐQT từ ngày 28/12/2021) - Trần Ngọc Lâm

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 05/03/1971
- Nơi sinh: Số 36 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: P. Đông Hương, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 72 ngõ Góc Đẽ, tổ 13, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà nội
- Nơi ở hiện nay: Số nhà 72 ngõ Góc Đẽ, tổ 13, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà nội
- Số CMND: 011854471. Nơi cấp: CA Tp Hà Nội cấp ngày 13/01/2009.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Kỹ sư Xây dựng.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1/12/2000 đến 31/12/2000	Chuyên viên phòng KT-KH, Công ty Xây dựng Nông nghiệp và phát triển	Chuyên viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Nông thôn Hà Nội (không tham gia đóng BHXH)	
Từ 1/2001 đến 5/2002	Phó giám đốc Xí nghiệp xây dựng số 6, Công ty Xây dựng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Hà Nội	Phó Giám đốc
Từ 6/2002 đến 2/2004	Đội trưởng đội xây dựng số 2, Xí nghiệp Khảo sát và đầu tư Xây dựng, Công ty Khảo sát và Xây dựng, Bộ Xây dựng	Đội trưởng
Từ 1/2005 đến 5/2007	Phó giám đốc, Xí nghiệp Khảo sát và Đầu tư Xây dựng, Công ty Khảo sát và Xây dựng, Bộ Xây dựng	Phó giám đốc
Từ 6/2007 đến 5/2009	Giám đốc Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng, Công ty Khảo sát và Xây dựng, Bộ Xây dựng	Giám đốc
Từ 6/2009 đến 7/2009	Phụ trách công tác xây lắp - Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà nội số 68	Phụ trách
Từ 8/2009 đến 4/2012	Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà nội số 68	Phó Tổng Giám đốc
Từ 4/2012 đến 10/2012	Quyền Tổng Giám đốc, Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà nội số 68	Quyền Tổng Giám đốc
Từ 10/2012 đến 11/2013	Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 68	Phó Tổng Giám đốc
Từ 11/2013 đến 9/2014	Chuyên viên văn phòng - Giúp việc Hội đồng quản trị - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam	Chuyên viên
Từ 9/2014 đến 4/2015	Trưởng bộ phận chuyên trách công tác thu hồi nợ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng bộ phận
Từ 4/2015 đến 10/2016	Chuyên viên văn phòng - Giúp việc Hội đồng quản trị - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam	Chuyên viên
Từ 10/2016 đến 1/2018	Trưởng Ban Tái cơ cấu và Xử lý nợ - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban
Từ 2/2018 đến Đến nay	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư và Tái cơ cấu - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam TV độc lập HĐQT Công ty Cổ phần	Trưởng Ban; TV độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	ng nghiệp và Dân dụng Dầu khí
Từ 28/12/2022 đến nay	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư và Tái cơ cấu – Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng Ban; TV HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty Petroland.
 - + Thành viên HĐQT Công ty Xi măng Hạ long.
 - + Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ long.
 - + Thành viên HĐQT Công ty PVC-ID
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (03/12/2021)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

d. Thành viên HĐQT (TV độc lập từ ngày 28/12/2021) - Ngô Bùi Ngọc

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 27/11/1976
- Nơi sinh: TP Nam Định, Tỉnh: Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Yên Lộc – Ý Yên – Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 18.04 Tòa C Cao ốc SCREC Số 974A Đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, TPHCM
- Nơi ở hiện nay: Phòng 18.04 Tòa C Cao ốc SCREC Số 974A Đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, TPHCM
- Số CMND: 036076000059. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/11/2020

- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế Quản trị Kinh doanh.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2001	Chuyên viên tài chính, Marketing – Công ty Allianz – AGF (Pháp)	Chuyên viên
Từ 2001 đến 2002	Chuyên viên Xuất nhập khẩu – Công ty XNK INTIMEX	Chuyên viên
Từ 2002 đến 2003	Chuyên viên – Công ty Sông Đà 12	Chuyên viên
Từ 2003 đến 2008	Cán bộ Công ty Cp Thép Việt Ý – Tổng công ty Sông Đà	Chuyên viên
Từ 2008 đến 08/2008	Trợ lý Chủ tịch HĐQT – Phó chánh văn phòng Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trợ lý HĐQT – Phó chánh VP
Từ 08/2008 đến 03/2009	Phó Trưởng Ban Thương mại - Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban
Từ 03/2009 đến 05/2009	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật An toàn - Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban
Từ 05/2009 đến 08/2009	Phó Trưởng Ban Thiết bị cơ giới - Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban
Từ 08/2009 đến 09/2009	Phó Phòng Kinh tế Chi nhánh TCCG Dầu khí - Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó phòng
Từ 10/2009 đến 03/2010	Phó giám đốc Ban điều hành các dự án của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban điều hành
Từ 03/2010 đến 08/2010	Phó giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí	Phó giám đốc ban QLDA
Từ 08/2010 đến 11/2011	Phó giám đốc BĐH các dự án của PVC tại Hà Nội	Phó giám đốc Ban điều hành
Từ 11/2011 đến 01/2014	Trưởng ban tổ chức nhân sự - Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban
Từ 01/2014 đến 07/2015	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư Vinaconex – PVC	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 07/2015 đến 06/2018	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2018 đến 11/2019	Phó giám đốc – Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)	Phó giám đốc
Từ 11/2019 đến 06/2020	Phó giám đốc - Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland); Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu	Phó giám đốc Petroland – Chủ tịch HĐQT/Giám

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	tư Mỹ Phú	đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú
Từ 06/2020 đến nay	Phó giám đốc - Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland); Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn T.N Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó giám đốc Petroland – Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú; TGD Công ty cổ phần Tập đoàn T.N; TV độc lập HĐQT PVC-IC

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó giám đốc Công ty Petroland.
 - + Giám đốc/Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú
 - + TGD Công ty cổ phần Tập đoàn T.N
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (31/12/2021)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.3. Ban Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc	
2	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	
3	Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	

- a. Giám đốc - Hồ Sỹ Hoàng (xem phần a – Hội đồng quản trị)
- b. Phó Giám đốc – Nguyễn Văn Hoàn (xem phần b – Hội đồng quản trị)
- c. Phó Giám đốc – Phạm Mạnh Cường

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 11/7/1970
- Nơi sinh: Lạng Sơn

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: 24D7 Phan Kế Bính, Phường 9, TP.Vũng Tàu
- Số CMND: 273546991. Nơi cấp: CA. Bà Rịa - Vũng Tàu
Ngày cấp: 30/11/2010
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - ngành CK chế tạo.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/1998 đến 12/2003	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Kỹ sư
Từ 01/2004 đến 3/2006	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó Trưởng phòng
Từ 4/2006 đến 7/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó Trưởng phòng
Từ 8/2007 đến 11/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 12/2007 đến 11/2009	Phòng Vật tư thiết bị - Công ty TNHH 1TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 12/2009 đến 02/2010	Phòng Vật tư thiết bị - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 3/2010 đến 3/2010	Công trường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Giám đốc Dự án
Từ 4/2010 đến 26/4/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 27/4/2017 đến	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	Thành viên HĐQT

20/7/2018	và Dân dụng Dầu khí	kiêm Phó Giám đốc
Từ 21/7/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.4. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Tổng Hợp – Lê Ngọc Hoàng

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 14/05/1967
- Nơi sinh: Thạch Mỹ, Lộc Hà, Hà Tĩnh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thạch Mỹ, Lộc Hà, Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: Số 11 Đồng Đa, Phường Thăng Nhất, TP.Vũng Tàu
- Số CMND: 273375374. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu Ngày cấp: 20/09/2008
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý công nghiệp
- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 02/1985 đến 06/1987	Trung đoàn 414 - Quân khu 4	Bộ đội

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/1988 đến 7/1991	Trường Trung cấp Thống kê II	Sinh viên
Từ 12/1991 đến 12/1994	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Kế toán Vật tư, kế toán Ngân hàng
Từ 01/1995 đến 10/2006	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí	Kế toán Tổng hợp, kế toán công nợ
Từ 11/2006 đến 7/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới – Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 8/2007 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2008 đến 4/2008	Xí nghiệp Thi Công Cơ giới - Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 5/2008 đến 11/2009	Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 12/2009 đến 19/02/2013	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Ngày 20/02/2013 đến 04/09/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính - Kế toán
Ngày 05/09/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính - Tổng hợp

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phần (03/12/2021)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.5. Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Thị Thành Huế	Trưởng Ban Kiểm soát	
2	Ngô Trúc Vy	Thành viên BKS	
3	Ngô Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	

a. Trưởng ban Kiểm soát – Trần Thị Thành Huế

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 23/09/1984
- Nơi sinh: Hưng Bình – Vinh- Nghệ An.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hương Thanh – Hương Khê – Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: A5 tầng 12 Chung cư PVC-IC 242 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Số CCCD: 040184000905 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh và cử nhân kế toán
- Trình độ lý luận chính trị:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 07/2009 đến tháng 02/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	Kế toán
Từ tháng 04/2017 đến tháng 10/2019	Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh	Kế toán
Từ tháng 11/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	Kế toán
Từ 29/6/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân	Trưởng BKS

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	dụng dầu khí.	

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần (03/12/2021)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 1.000 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

b. Thành viên Ban Kiểm soát – Ngô Trúc Vy

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 03/08/1985
- Nơi sinh: Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bà Rịa – Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú: 674C đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu
- Số CMND: 273147418. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu, Ngày cấp: 16/04/2007
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp chính trị
- Quá trình công tác :

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 6/2005 đến tháng 09/2009	Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí (PVE)	Nhân viên
Từ tháng 07/2011 đến tháng 06/2012	Đội xây lắp Điện nước - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 07/2012 đến 07/2017	Phòng cơ điện - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên
Từ 08/2017 đến nay	Phòng cơ điện - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên, Thành viên BKS

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (03/12/2021)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: 0 cổ phần

c. Thành viên Ban kiểm soát: Ngô Thị Thu Hoài

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 29/04/1975
- Nơi sinh: Hải Hậu, Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Hậu, Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: C5F312 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 011892215. Nơi cấp : CA. Hà Nội, Ngày cấp: 28/5/2010
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Trình độ lý luận chính trị:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 4/1997 đến 5/1997	Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	Nhân viên kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/1997 đến 12/2007	Xí nghiệp 9 - Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	Nhân viên kế toán
Từ 01/2008 đến 11/2008	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Nhân viên kế toán
Từ 11/2008 đến 8/2009	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Phó Ban Tài chính kế toán (TCKT)
Từ 9/2009 đến 12/2009	Chi nhánh Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Phụ trách Phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2010 đến 10/2010	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán
Từ 3/2010 đến 10/2010	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán Thành viên BKS kiêm nhiệm
Từ 10/2010 đến 6/2013	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Thành viên BKS kiêm nhiệm
Từ 7/2010 đến nay	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó trưởng Ban TCKT, Kiểm toán Thành viên BKS kiêm nhiệm

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 61.000 cổ phần (03/12/2021)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.6. Những thay đổi trong Ban điều hành

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 có nghị quyết số 53/NQ-DHDCĐ-CNDD ngày 28/12/2021:

- Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Hoàn.
- Miễn nhiệm chức danh Thành viên độc lập HĐQT đối với ông Trần Ngọc Lâm và bầu ông Trần Ngọc Lâm làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.
- Bầu ông Ngô Bùi Ngọc làm Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

2.7. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng số lao động của Công ty là 59 người.
- Cơ cấu lao động của công ty:

Stt	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	Phân theo giới tính		
1	Nam	44	
2	Nữ	15	
3	Tổng	59	
II	Phân theo trình độ chuyên môn		
1	Thạc sĩ	02	
2	Đại học	20	
3	Cao đẳng	05	
4	Trung cấp	05	
5	Cán sự và nhân viên khác		
6	Dạy nghề và lao động phổ thông	29	
7	Tổng	59	
II	Lương bình quân/người (cả năm 2021)	7.800.000 đồng	

2.8. Chính sách đào tạo

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay thì nguồn nhân lực có chất lượng cao là một nhân tố then chốt dẫn đến thành công của các công ty. Nhận thức được điều này, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề để đạt hiệu quả cao trong công việc.

2.9. Chính sách lương

Công ty xây dựng Quy chế trả lương, trả thưởng và hệ thống thang bảng lương theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt ban hành theo quyết định số 22/QĐ-CNDD ngày 01/3/2018 thay thế cho Quy chế trả lương, trả thưởng ban hành kèm theo quyết định số 42/QĐ-CNDD ngày 01/3/2016. Việc trả lương của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, gắn liền với năng suất, chất lượng đồng thời khuyến khích Người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành công việc được giao.

2.10. Các chính sách đãi ngộ khác

- Người lao động làm việc tại PVC-IC được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể đội ngũ CBCNV.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại, khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại PVC-IC.
- Có kế hoạch phát động phong trào thi đua tại Công ty hàng quý, năm.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Theo chủ trương chung, việc thoái vốn các dự án bất động sản đã được triển khai, mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thì công tác đầu tư, thoái vốn các Dự án Bất động sản cũng đang gặp những khó khăn vướng mắc nhất định. Cụ thể đó là :

- a) Dự án 242 Nguyễn Hữu Cảnh, đã hoàn thành, công nợ còn phải thu của khách hàng mua căn hộ là 0,31 tỷ đồng;
- b) Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát với giá trị đầu tư 12,9 tỷ đồng đã có kế hoạch thoái vốn cho CĐT, tuy nhiên dự án Chủ đầu tư chưa triển khai các thủ tục thoái vốn;
- c) Dự án Khu phức hợp Thương mại – Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30 tháng 4, phường 9 thành phố Vũng Tàu thoái vốn bằng hình thức tự triển khai thực hiện. Chi tiết dự án được cụ thể như sau :

- ✓ Vị trí khu đất: Số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu;
- ✓ Diện tích khu đất : 4.825,1 m²
- ✓ Diện tích xây dựng: 2.730,38 m²
- ✓ Diện tích sàn xây dựng: 75.646 m²
- ✓ Quy mô: Công trình cấp I với 34 tầng nổi (gồm: 5 tầng thương mại dịch vụ, 27 tầng căn hộ với 486 căn hộ + tầng kỹ thuật + tầng mái) và 2 tầng hầm.
- ✓ Tổng mức đầu tư:
 - + Tổng mức đầu tư ban đầu (theo QĐ số 65/QĐ-CNDD ngày 28/4/2011): 946.602.886.857 đồng;
 - + Tổng mức đầu tư điều chỉnh (theo QĐ số 264/QĐ-CNDD ngày 24/6/2015): 798.955.000.000 đồng.
- ✓ Tình hình triển khai đầu tư:
 - + Giá trị đầu tư đến thời điểm 31/12/2021 là: 798,95 tỷ đồng chiếm 100 % tổng mức đầu tư điều chỉnh;
 - + Đến 31/12/2021 đã hoàn thành đưa dự án vào sử dụng, bàn giao toàn bộ 486 căn hộ cho khách hàng.
- ✓ Công tác bán hàng:
 - Căn hộ: Hiện nay PVC-IC đã ký hợp đồng bán được 486 căn hộ/tổng số 486 căn hộ với giá trị hợp đồng là 734 tỷ đồng, giá trị tiền thu các căn hộ là 723 tỷ đồng, số tiền còn phải thu theo điều khoản Hợp đồng là 3,65 tỷ đồng.
 - Trung tâm thương mại từ tầng 1 đến tầng 5: đã ký hợp đồng bán cho Công ty cổ phần Đầu tư Huy Thanh. Số tiền đã thu đến 31/12/2021 theo hợp đồng là: 119 tỷ/132 tỷ, số tiền còn phải thu theo điều khoản Hợp đồng là 13 tỷ đồng;

4. Tình hình tài chính:

4.1. Kết quả kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	2020	2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	430,88	366,86	-14,86%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18,45	-10,81	-158,59%
Lợi nhuận trước thuế	- 49,58	-30,32	-38,85%
Lợi nhuận sau thuế	- 50,00	-30,32	-39,36%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2020	2021	% tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,0028	2,0330	1,51%
+ Hệ số thanh toán nhanh			
TSLĐ - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn	1,293	1,133	-12,37%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,487	0,480	-1,44%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,9492	0,9235	-2,71%
3. Chỉ tiêu về năng lực tài chính			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán			
Hàng tồn kho bình quân	0,2121	0,0554	-73,88%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,0192	-0,0505	-363,02%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	- 6,0371	1,6367	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	- 0,2262	- 0,1590	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	- 0,1160	- 0,0826	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	- 3,085	1,7310	

5. Cơ cấu cổ đông

- Tổng số cổ phần PXI đang lưu hành là: 30.000.000 cổ phần.
- Số cổ phần phổ thông là: 30.000.000 cổ phần.
- Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 03/12/2021:

Stt	Danh mục	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
	Tổng số lượng cổ phiếu	30.000.000	100,00%	3.100	15	3.085
1	Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% cổ phiếu trở lên)	15.300.000	51,00%	1	1	0
2	Cổ đông khác (Sở hữu dưới 5% cổ phiếu)	14.700.000	49,00%	3.099	14	3.085
	- Trong nước:	14.264.720	47,55%	3.081	14	3.067
	- Nước ngoài:	435.280	1,45%	18	0	18
3	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất trong năm 2021:

Stt	Tên nguyên vật liệu	Đvt	Khối lượng	Ghi chú
1	Thép gân D12	kg	32.032,00	
2	Thép gân D14	kg	11.724,00	
3	Thép gân D16	kg	12.592,00	
4	Xi măng PCB 40	Bao	800,00	
5	Đá 2*4	M3	192,00	
6	Vữa bê tông 12Mpa (M150)	m3	116,50	
7	Vữa bê tông 24 Mpa (M300)	m3	481,50	
8	Vữa bê tông mác 28 Mpa (M350) Bền sunfat	m3	420,50	
9	Vữa bê tông mác 20 Mpa(M250)	m3	113,00	
10	Gạch ốp lát	Hộp	178,00	
11	Gạch kháng Acid (300*300*15)	M2	76,00	
12	Dầu thủy lực	Phuy	72,00	
13	Dầu DO	Lít	6.812,95	
14	Dầu Diezel	Lít	1.102,00	
15	Chất chống thấm	Thùng	11,00	
16	Keo ron mạch	M	76,00	
17	Xăng A95	Lít	1.394,00	
18	Xốp chèn khe GPS 10mm	Tám	18,00	
19	Xốp chèn khe GPS 30mm	Tám	31,00	
20	Matit chèn khe co giãn đường BT ximang VICTA-BS	kg	300,00	
21	Vữa dán gạch kháng Acid	M2	760,00	

Stt	Tên nguyên vật liệu	Đvt	Khối lượng	Ghi chú
22	keo Hilti RE 550/550	Bịch	10,00	
23	Súng bơm keo	Cái	1,00	
24	Kềm buộc	Kg	1.000,00	
25	Bột tăng cứng sàn bê tông victatop	Kg	3.000,00	
...	Và một số loại nguyên vật liệu nhỏ lẻ khác ...			

Tất cả vật liệu sử dụng chủ yếu có sẵn trên thị trường đã qua tái chế và thành phẩm.

6.2. Tiêu thụ năng lượng điện và tiêu thụ nước

Trong năm 2021, Công ty đã sử dụng điện và nước sản xuất của các Công ty điện lực và các Công ty cấp thoát nước của các tỉnh/thành phố với chi phí là: 1.851.580.295 đồng.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty chưa bị xử phạt vi phạm lần nào vì PVC-IC là đơn vị chuyên ngành xây lắp, tất cả vật liệu sử dụng chủ yếu có sẵn trên thị trường đã qua tái chế và thành phẩm. Do đó không ảnh hưởng đến các quy định về môi trường.

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng người lao động: Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2021: 59 người, trong đó: Bộ phận gián tiếp các phòng ban: 18 người, Các đội, CB kỹ thuật, CN: 41 người.

Chính sách đối với người lao động: Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo cho đời sống của người lao động; Cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, trợ cấp đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, năm 2021 do tình hình dịch bệnh Covid-19 và tài chính khó khăn nên Công ty chưa thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm đối với tất cả người lao động. Chi trả trợ cấp thôi việc chưa đầy đủ cho lao động nghỉ chế độ.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

1.1 Giá trị sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% hoàn thành
-----	----------	-------------------	--------------------	--------------

STT	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% hoàn thành
1	Giá trị sản lượng	120.000.000.000	14.200.000.000	11,83%
2	Tổng Doanh thu	82.000.000.000	(10.808.102.179)	
3	Lợi nhuận trước thuế		(30.319.233.057)	
4	Lợi nhuận sau thuế		(30.319.233.057)	
5	Thuế và các khoản nộp NSNN	5.000.000.000	2.422.123.377	48,44%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	8.900.000	7.800.000	87,64%

- Năm 2021 Công ty không hoàn thành kế hoạch đề ra; Giá trị sản lượng của Công ty chỉ đạt 14,2 tỷ đồng tương ứng 11,83% so với kế hoạch; Tổng doanh thu âm do điều chỉnh giảm doanh thu công trình Viện Dầu Khí GD1; Thuế và các khoản nộp NSNN chỉ đạt 2.422.123.377 đồng tương ứng 48,44% so với kế hoạch; Thu nhập bình quân đạt 7.800.000 đồng tương ứng 87,64% so với kế hoạch và Công ty tiếp tục lỗ 30.319.233.057 đồng.
- Công tác nghiệm thu thanh quyết toán và thu hồi công nợ tại các công trình đang thi công cũng như các công trình đã thi công xong chưa hiệu quả, tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất và chậm nộp thuế và phạt chậm tiến độ thi công hợp đồng, uy tín với các tổ chức tín dụng giảm mạnh làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD của Công ty.

1.2 Phân tích một số các chỉ tiêu cụ thể

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 theo Nghị quyết số 53/NQ-CNDD-DHĐCĐ ngày 28/12/2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí và Quyết định số 227/QĐ-XLĐK ngày 04/02/2021 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam về việc “Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 cho Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí (PVC-IC)”, số liệu theo sổ sách kế toán đã ghi nhận trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Có thể đánh giá năm 2021 Công ty không hoàn thành kế hoạch đã đề ra, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục bị thua lỗ, các số liệu tài chính phản ánh vẫn còn tiềm ẩn những khó khăn, rủi ro cấp bách, kéo dài đối với Công ty trong thời gian tiếp theo, nhất là trong bối cảnh hiện nay Công ty vẫn chưa triển khai được thêm công trình mới.

a) Về vốn chủ sở hữu

Đến thời điểm 31/12/2021 vốn chủ sở hữu của Công ty là 190.730.972.804 đồng, giảm so với số liệu vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 là 30.319.233.057 đồng tương ứng giảm 13,27%. Nguyên nhân do năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục bị thua lỗ dẫn đến vốn chủ sở

hữu bị giảm (Chi tiết xem mục (b) Tổng doanh thu và khoản 2.2 mục 2 về tình hình tài chính phần trình này tiếp theo sau).

b) Tổng doanh thu:

TT	Chi tiêu	Doanh thu	Chi phí	Lãi – Lỗ
1	Doanh thu hợp đồng xây dựng	(26.706.466.498)	472.170.201	(27.178.636.699)
2	Doanh thu hoạt động khác	8.239.053.442	9.150.464.304	(911.410.862)
3	Doanh thu từ bất động sản	(57.044.503)	(48.797.230)	(8.247.273)
4	Thu nhập khác	6.413.178.889	4.665.920.029	1.747.258.860
5	Doanh thu từ hoạt động tài chính	1.303.176.491	886.008.348	417.168.143
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.032.253.065	(6.032.253.065)
7	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.646.887.839)	1.646.887.839
	Tổng cộng	(10.808.102.179)	19.511.130.878	(30.319.233.057)
	Lợi nhuận sau thuế TNDN			(30.319.233.057)

Số liệu về doanh thu, chi phí, lãi – lỗ qua bảng phân tích trên có thể thấy được trong năm 2021 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ 30.319.233.057 đồng, do trong năm 2021 công ty không có dự án công trình mới nên không có doanh thu nhưng công trình Viện dầu khí GĐ1 điều chỉnh giảm doanh thu 26.706.466.498 đồng, doanh thu từ bất động sản -57.044.503 đồng do giảm trừ thiết bị các căn hộ dự án 33A đường 30/4, doanh thu hoạt động khác là 8.239.053.442 đồng chủ yếu là doanh thu từ việc cho thuê mặt bằng, ki ốt và thuê thiết bị.

c) Lợi nhuận trước thuế:

- Với hai chỉ tiêu sản lượng và doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty đều không hoàn thành chỉ tiêu, tuy nhiên chi phí quản lý và chi phí lãi vay vẫn không giảm, chi phí quản lý doanh nghiệp phải chỉ là 6,03 tỷ đồng và chi phí lãi vay; tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất, phạt chậm nộp thuế và phạt chậm tiến độ thi công công trình; Khoản trích lập dự phòng và giá trị thực hiện Viện Dầu khí GĐ1 là 26,70 tỷ đồng nên hiệu quả sản xuất âm **30.319.233.057** đồng.
- Năm 2021, các khoản “Thu nhập khác; Doanh thu từ hoạt động tài chính; Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho” không thể bù được các khoản: lỗ khi kết chuyển doanh thu các công trình xây lắp do trước đây kết chuyển lãi nhiều và khi quyết toán lại bị chủ đầu tư cắt giảm; chi phí lãi vay; chi phí quản lý doanh nghiệp (trong chi phí QLDN có một phần tiền phải trả cho người lao động nghỉ việc theo quy định để tái cấu trúc, thu gọn bộ máy phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh);

d) Các khoản nộp ngân sách nhà nước:

- Theo kế hoạch năm: 5 tỷ đồng; Thực hiện 2,42 tỷ đồng, đạt 48,44% KH.

1.3 Hoạt động đầu tư:

- Do thiếu vốn, nên không thực hiện đầu tư mới, chỉ tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án đang triển khai dở dang.

1.4 Công tác nghiệm thu thanh quyết toán

Trong năm 2021, các công trình đã hoàn thành nhưng vẫn chưa hoàn tất thủ tục quyết toán như Trung tâm phân tích thí nghiệm Viện Dầu khí GD1 và GD2, dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, dự án 33A đường 30/4. Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang thực hiện nhưng cũng gặp khó khăn do cơ chế, chính sách và các điều khoản của Hợp đồng.

1.5 Thu nhập bình quân:

- Theo kế hoạch năm: 8,9 triệu đồng; Thực hiện 7,8 triệu đồng. Đạt 87,64% kế hoạch năm;

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản:

Stt	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ %
[a]	[b]	[c]	[d]	[d]/[c]
1	Tài sản ngắn hạn	392.646.805.134	331.846.986.097	84,52%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	46.313.777.790	45.951.299.542	99,22%
1.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	207.162.857.843	138.914.429.604	67,06%
1.4	Hàng tồn kho	139.170.169.501	146.981.256.951	105,61%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác			
2	Tài sản dài hạn	38.230.611.421	35.014.964.630	91,59%
2.2	Các khoản phải thu dài hạn			
2.3	Tài sản cố định	9.457.851.103	6.258.332.875	66,17%
2.4	Bất động sản đầu tư			
2.5	Tài sản dở dang dài hạn	14.081.452.138	14.081.452.138	100,00%
2.6	Đầu tư tài chính dài hạn	14.691.308.180	14.675.179.617	99,89%
2.7	Tài sản dài hạn khác			
	Tổng cộng tài sản (1+2)	430.877.416.555	366.861.950.727	85,14%

2.2 Các chỉ tiêu chính đã thực hiện năm 2021

TT	Nội dung	Số liệu ngày 31/12/2020	Số liệu ngày 31/12/2021	Chênh lệch giữa 2021 và 2020	Tỷ lệ % so với 2020
1	A	B	C	D=C-B	E = C/B
1	Vốn chủ sở hữu	221.050.205.861	190.730.972.804	(30.319.233.057)	86,28%

TT	Nội dung	Số liệu ngày 31/12/2020	Số liệu ngày 31/12/2021	Chênh lệch giữa 2021 và 2020	Tỷ lệ % so với 2020
1	A	B	C	D=C-B	E = C/B
1	Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000		
2	Quỹ đầu tư & phát triển	14.519.193.263	14.519.193.263		
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(93.468.987.402)	(123.788.220.459)	(30.319.233.057)	
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	(43.463.759.673)	(93.468.987.402)		
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	(50.005.227.729)	(30.319.233.057)		
II	Một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD				
1	Các khoản phải thu	207.162.857.843	138.914.429.604	(68.248.428.239)	67,06%
-	Phải thu khách hàng (TK131)	226.254.323.584	165.182.761.295		
-	Phải thu khách hàng (TK337)	34.653.812.771	25.740.657.165		
-	Phải thu tạm ứng (TK141)	2.694.399.461	2.385.147.764		
-	Trả trước cho KH - (TK331)	2.924.805.921	2.417.563.966		
-	Phải thu khác (TK138,TK334,TK338)	6.639.968.428	9.192.751.736		
-	Đã trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(66.004.452.322)	(66.004.452.322)		
2	Chi phí SXKD dở dang (TK154)	136.326.258.950	146.699.429.885	10.373.170.935	107,61%
3	Nguyên liệu, vật liệu	2.843.910.551	281.827.066	(2.562.083.485)	9,91%
	Vật tư tồn kho	5.458.287.766	1.249.316.442		
	Trích lập dự phòng	(2.614.377.215)	(967.489.376)		
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.081.452.138	14.081.452.138		
5	Các khoản phải trả	184.998.648.312	162.666.319.123	(22.332.329.189)	87,93%
-	Phải trả người bán (TK331)	109.053.783.579	84.251.222.728		
-	Khách hàng trả trước (TK131+TK3387)	18.668.322.132	18.663.185.405		
-	Thuế & các khoản phải nộp NN	27.607.531.415	26.288.002.656		
-	Phải trả người lao động (TK334)	839.108.871	515.000.000		
-	Chi phí phải trả	1.553.220.267	423.195.472		

TT	Nội dung	Số liệu ngày 31/12/2020	Số liệu ngày 31/12/2021	Chênh lệch giữa 2021 và 2020	Tỷ lệ % so với 2020
1	A	B	C	D=C-B	E = C/B
	(TK335)				
-	Phải trả khác (TK138,TK338)	27.276.682.048	32.525.712.862		
6	trả nợ vay NH & các tổ chức cá nhân	10.750.000.000	500.000.000	(10.250.000.000)	4,65%
-	Nợ cá nhân & các tổ chức khác	10.750.000.000	500.000.000		
7	Các khoản đầu tư	14.691.308.180	14.675.179.617	(16.128.563)	99,89%
-	Góp vào Cty đóng mới & SC Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	2.890.000.000		
-	Góp vốn vào Công ty CP SX ống thép DK Việt Nam	50.000.000	50.000.000		
-	Góp vốn vào DA Chung cư Long Sơn Riverside	12.897.200.000	12.897.200.000		
*	<i>Trích lập DP các khoản đầu tư</i>	<i>(1.145.891.820)</i>	<i>(1.162.020.383)</i>		

2.3 Công tác thu hồi công nợ:

2.3.1 Các khoản công nợ phải thu ngắn hạn:

- Đây là công việc thường xuyên và xuyên suốt đối với đơn vị xây lắp nhằm giảm thiểu giá trị công nợ phải thu để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do nhiều yếu tố khách quan cũng như yếu tố chủ quan của đơn vị, nên công tác nghiệm thu thanh quyết toán các công trình đang thi công cũng như các công trình đã thi công xong không như kỳ vọng, chưa đạt hiệu quả. Điều này đã ảnh hưởng đến dòng tiền trong hoạt động SXKD năm 2020, chi phí lãi vay còn cao, uy tín với các tổ chức tín dụng giảm mạnh làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD của Công ty.
- Các công nợ tập trung chủ yếu là các Chủ đầu trong ngành Dầu khí chiếm tỷ trọng lớn, chiếm gần 90% khoản công nợ SXKD. Đặc biệt là khoản công nợ cũng như giá trị xây lắp dở dang của Dự án Viện dầu khí tại TP HCM - giai đoạn 1 là khoảng 34,31 tỷ đồng (Chưa tính khoản 45 tỷ tại ngân hàng Occabank); Dự án Nhiệt điện TB2 là 76,54 tỷ đồng và Dự án Nhiệt điện SH1 là 21 tỷ đồng.
- Đến 31/12/2021 là **138.914.429.604 đồng**, giảm so với các khoản phải thu tại ngày 31/12/2020 là 68.248.428.239 đồng tương ứng giảm 32,94% (trong đó chưa bao gồm khoản đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 66.004.452.322 đồng);

- Hầu hết các khoản công nợ phải thu đều đến hạn và quá hạn thanh toán như: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn 26,09 tỷ và 04 công trình do Công ty cổ phần Thái Sơn Bộ Q.P làm chủ đầu tư với giá là 21,7 tỷ đồng. Công ty đã gửi đơn kiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty cổ phần Thái Sơn Bộ Q.P lên tòa án, Công trình Khu du lịch Hồng phúc do VSP làm chủ đầu tư với giá trị phải thu là 4,6 tỷ đồng, tiền mua bán căn hộ chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh và Chung cư 33A đường 30/4 là 3,9 tỷ, tiền bán bê tông cho khách hàng đã quá hạn với số tiền 446 triệu đồng, tiền cho thuê thiết bị, bán thanh lý tài sản, bán công cụ dụng cụ với giá trị còn phải thu 7,3 tỷ đồng trong đó có 5,4 tỷ tiền thanh lý nhà điều hành công ty cho Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí.
- 2.3.2 Các khoản phải trả khách hàng và Ngân sách nhà nước:
- Đến 31/12/2021 là **84.251.222.728 đồng**, nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước là 26.288.002.656 đồng, các khoản phải trả khác là 32.525.712.862 đồng. Các khoản phải trả khách hàng, nhà cung cấp hầu như đều quá hạn thanh toán đã dẫn đến việc khách hàng gây áp lực, bức xúc, thậm chí nhiều khách hàng đã đưa ra tòa án để giải quyết các khoản công nợ phải trả cho khách hàng. Do không có nguồn tiền để nộp thuế dẫn đến việc chậm nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế Cục thuế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã có Quyết định số 9728/QĐ-CT ngày 24/12/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn và thông báo số 9729/TB-CT ngày 24/12/2021 về việc ngừng sử dụng hóa đơn. Điều này ảnh hưởng hệ lụy rất nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên địa bàn, các chính sách cho người lao động, công tác tiếp thị đấu thầu. Đến 31/12/2021 Công ty đã đóng tiền bảo hiểm hết tháng 6/2021, điều này sẽ dẫn đến việc thẻ bảo hiểm y tế của người lao động không được gia hạn gây khó khăn khi người lao động đi khám chữa bệnh nhất là trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp
- 2.3.3 Nợ phải trả các tổ chức tín dụng và các tổ chức cá nhân
- Do tình hình tài chính của Công ty không khả quan, nên các ngân hàng thương mại không cho vay để tạo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên công ty chỉ có thể vay cá nhân. Đến 31/12/2021 Công ty nợ vay cá nhân là 500.000.000 đồng giảm 10.250.000.000 đồng so với 31/12/2020 tương ứng giảm 95,35% do vậy chi phí lãi vay năm 2021 còn 869.879.785 đồng so với chi phí lãi vay năm 2020 là 1.925.752.948 đồng giảm 1.055.873.163 đồng tương ứng giảm 54,83%.
- 2.3.4 Giá trị KLXLDD: 146,69 tỷ đồng (Năm 2020 là 136,3 tỷ đồng). Tăng tại Hợp đồng của Dự án NMND Thái Bình 2 và Dự án đầu tư Chung cư 33A đường 30/4, TP Vũng Tàu;
- 2.3.5 Kết quả đã thực hiện thu hồi công nợ trong năm:

Khoản thu hồi công nợ Trong Năm 2021 chủ yếu tập trung từ các Chủ đầu tư công trình đã thi công xong chờ quyết toán, hợp đồng đang thực hiện và tại dự án đầu tư: Công trình đang thi công chủ yếu là khoản thanh toán khối lượng của Dự án Nhiệt điện TB2; Dự án chung cư 33A đã triển khai hoàn thành. Tổng số tiền thu hồi công nợ được trong năm 2021: 51,94 tỷ đồng.

- (1) Hợp đồng Viện Dầu khí – GD1 ký với PVC: 6,00 tỷ đồng
- (2) Hợp đồng Dự án NMNĐ Thái Bình 2 ký với PVC là: 8,038 tỷ đồng
- (3) Hợp đồng mua bán căn hộ Chung cư số 33A là: 25,853 tỷ đồng
- (4) Cho thuê tài sản: 4,187 tỷ đồng
- (5) Thu phí quản lý Chung cư 33A là: 4,722 tỷ đồng
- (6) Các công nợ khác là: 3,141 tỷ đồng

2.1 Công tác tiếp thị đấu thầu:

Không thực hiện để tập trung tái cấu trúc, thu hồi nợ cũng như việc đơn vị bị ảnh hưởng do khó khăn về nguồn vốn nếu triển khai mới.

2.2 Công tác tái cơ cấu và thoái vốn:

Công tác tái cơ cấu: Thực hiện hoàn thành sắp xếp rút gọn lại phòng ban, bộ phận. Chấm dứt hợp đồng lao động với 17 nhân sự do không có nhu cầu sử dụng. Số lượng còn lại hiện đến 31/12/2021 là 59 người, trong đó khối văn phòng là 1 người, còn lại là các công trường và tạm nghỉ chờ việc.

Công tác thoái vốn: Thực hiện chỉ đạo từ TCT, đến nay người đại diện phần vốn của TCT tại PVC-IC đã hoàn thành việc chào bán 51% vốn góp của TCT tại PVC-IC. “Hợp đồng chuyển nhượng vốn” giữa các nhà đầu tư với Tổng công ty PVC, đã được các Nhà đầu tư ký gửi Tổng công ty vào ngày 11/06/2020. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có ý kiến phản hồi thực hiện từ Tổng công ty PVC.

3. Kế hoạch năm 2022:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025 của PVC và PVC-IC; Căn cứ Quyết định số 542/QĐ-XLDK ngày 25/02/2022 V/v “Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 cho PVC-IC”. Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí; Căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2021 và những tháng đầu năm 2022, kế hoạch tiếp thị đấu thầu, tình hình thị trường khu vực và đặc biệt là năng lực thực tế về nguồn lực của Công ty PVC-IC. Theo đó, Kế hoạch SXKD chủ yếu của năm 2022 như sau:

3.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	52,00	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	42,00	

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	
4	Các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	4,5	
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	9,8	

- Giá trị sản lượng ước thực hiện là 52 tỷ đồng; Gồm giá trị còn lại tại Dự án Nhiệt điện TB2 chiếm khoảng 5%, còn lại là tiếp thị để thực hiện một số công trình/dự án có tổng mức đầu tư dưới 100 tỷ đồng từ các đối tác khác nếu có.
- Cơ sở xây dựng kế hoạch SL năm 2022:
 - + Thực trạng công tác thu hồi công nợ không đạt kỳ vọng, do một số yếu tố khách quan từ Chủ đầu tư làm kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính, vốn sản xuất.
 - + Tại dự án TB2 cũng như SH1 phải chờ cơ chế duyệt thanh toán từ Chủ đầu tư nên khả năng thu hồi nợ các phần giá trị xây lắp thấp.
 - + Khoản nợ vay ngân hàng, thuế, khách hàng không có nguồn chi trả. Đặc biệt là các ngân hàng đã từ chối cho PVC-IC vay vốn.
 - + Ảnh hưởng xấu từ ngành Dầu khí thời gian qua làm giảm uy tín đơn vị, khách hàng, đối tác còn e ngại khi tham gia dự án/công trình.
 - + Ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid - 19.
- Doanh thu ước khoảng 80% giá trị sản lượng; ngoài ra tiếp tục tập trung nguồn lực để tiếp tục thu hồi từ các dự án: Viện dầu khí – GD1+GD2; Nhiệt điện Thái Bình 2, Sông Hậu 1 để làm tăng doanh thu của năm.
- Các chỉ tiêu khác bằng hoặc cao hơn đã thực hiện trong năm 2021;

3.2. Công tác thu hồi công nợ:

Xác định tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2022, PVC-IC tập trung toàn bộ nguồn lực hiện có để làm việc với các chủ đầu tư công trình/dự án tìm giải pháp để thu hồi giá trị còn lại đặc biệt là dự án Viện Dầu khí; Thái Bình 2 và Sông Hậu 1 để giảm giá trị dờ dang và bổ sung nguồn vốn để trả nợ vay, khách hàng, thuế cũng như phục vụ sản xuất kinh doanh.

Đối với đầu tư kinh doanh bất động sản: Hoàn thành quyết toán vốn đầu tư và thu tiền bán căn hộ tại Dự án 33A đường 30/4; và các dự án đầu tư, góp vốn khác.

Giải pháp thực hiện:

Đối với từng hợp đồng/từng Chủ đầu tư cần đưa ra các biện pháp cụ thể, và trách nhiệm lãnh đạo thực hiện, chỉ đạo trực tiếp các bộ phận/phòng ban liên quan để triển khai nhằm xử lý các tồn đọng tại các công trình, giá trị quyết toán hợp đồng đã thi công xong trở về trước, đặc biệt công trình Viện Dầu khí; Thái Bình 2; Sông Hậu 1.

3.3. Công tác tiếp thị đấu thầu:

Tìm kiếm, thực hiện tiếp thị đấu thầu một số công trình/dự án có tổng mức đầu dưới 100 tỷ đồng. Ưu tiên các công trình có thời gian hoàn thành ngắn, nguồn vốn ổn định, dễ thu hồi nhằm phù hợp với năng lực, tạo việc làm cho người lao động để duy trì bộ máy sản xuất hướng tới sự phát triển ổn định cho các năm tiếp theo.

3.4. Công tác tái cơ cấu và thoái vốn:

Đối với công tác tái cơ cấu: Tiếp tục rà soát, sắp xếp, điều chỉnh mô hình tổ chức theo tình hình, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh từng giai đoạn (Trước mắt có thể tạm thời cho một số CBCNV nghỉ không lương). Dự kiến hoàn thành và ổn định bộ máy quản lý, sắp xếp lại phòng/ban công ty cùng với thời gian hoàn thành việc thoái vốn.

Đối với công tác thoái vốn: Phụ thuộc vào kế hoạch của TCT, do vậy để đẩy nhanh và rút ngắn tiến độ, người đại diện phần vốn góp của PVC tại PVC-IC sẽ phối hợp với Tổng công ty hoàn thiện các thủ tục thoái vốn, dự kiến hoàn thành trước Quý IV/2022 nếu PVC chấp thuận.

3.5. Công tác đầu tư:

Tìm kiếm, chọn lựa để góp vốn với một số Chủ đầu tư, đầu tư dự án có hiệu quả để làm tăng khoản lợi nhuận. Đặc biệt là có thể đàm phán với các chủ đầu tư này để nhận thầu phần xây lắp trong dự án theo năng lực của PVC-IC.

3.6. Kết luận:

Qua các số liệu báo cáo năm 2021 và dự kiến kế hoạch năm 2022, phải khẳng định rằng hầu hết các số liệu kế hoạch PVC-IC thực hiện năm 2021 cũng như các số liệu đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thì PVC-IC không hoàn thành kế hoạch.

Khoản lỗ lũy kế sẽ tiếp tục tăng nếu trường hợp đơn giá hợp đồng đang tạm áp dụng tại dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1 chưa được các bên xem xét phê duyệt, tỷ lệ thu phí quản lý của Dự án Thái Bình và các khoản phải thu các công trình khác đã quá hạn mà phải trích lập dự phòng theo ý kiến kiểm toán.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Việc lãnh đạo thực hiện mục tiêu năm 2021:

1.1. Công tác chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2021 tại Việt Nam nói chung và khu vực phía nam nói riêng tiếp tục bất ổn định do bị ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 kéo dài bắt đầu từ đầu năm 2021, cao điểm vào tháng 3/2021 đến tháng 7/2021 khi mà Nhà nước lần lượt đã có các Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19, sau đó là chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 (Lệnh phong tỏa cách ly toàn xã hội). Tiếp theo đó là Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về việc ban hành tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”.

Theo đó, cùng với các ngành nghề kinh doanh khác, PVC-IC cũng như các đơn vị xây lắp trong cả nước phải chịu rất nhiều khó khăn từ những ảnh hưởng của nền kinh tế đặc biệt là thị trường đầu tư bất động sản (Kinh doanh nhà, khu công nghiệp...), các dự án đầu tư trong ngành Dầu khí cũng như các ngành sản xuất công nghiệp khác phải dừng, giãn đầu tư do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, từ đó làm ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực lãnh đạo, triển khai từng bước để đạt được những mục tiêu kinh tế đã đề ra, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tạo sự đồng lòng đoàn kết trong toàn Công ty và tạo được niềm tin của khách hàng cũng như các cổ đông vào sự phát triển ngày càng bền vững của Công ty. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 dù chưa đạt được các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra và vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro chưa được lường hết do các công trình chưa được quyết toán có giá trị rất lớn như Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1 phải phụ thuộc của cơ chế Dự án, đặc biệt về các đơn giá, giá thành xây dựng được điều chỉnh theo Quyết định 2414 của Thủ tướng chính phủ. Các chỉ tiêu kinh tế đều không đạt kế hoạch, các chỉ tiêu tài chính tăng chủ yếu từ các công trình đã đầu tư hoặc đang thi công của những năm trước chuyển sang. Việc tiếp thị các công trình mới dù đã có nhiều cố gắng nhưng trong năm vừa qua công ty vẫn chưa triển khai được thêm các công trình mới.

Thực trạng PVC-IC đã và đang rất khó khăn về tài chính, tuy nhiên năm 2021 không bị áp lực lớn để thanh toán các khoản nợ quá hạn cho các tổ chức tín dụng, riêng các khoản nợ phải trả khách hàng liên tục nóng và phải chạy theo sự việc hàng ngày. Ngoài ra khoản nợ thuế, thi hành án cũng không thể giảm và có chiều hướng gia tăng do không có nguồn tài chính chi trả. Các công trình triển khai mới không có nên dẫn đến thiếu công ăn việc làm cho người lao động, số tiền 45 tỷ đồng tại Ngân hàng Oceanbank đang bị tạm giữ chưa được giải ngân cũng như các công trình đang chờ làm thủ tục quyết toán còn dở dang khối lượng lớn, từ đó làm cho dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn cho việc đẩy nhanh tiến độ của dự án.

Có thể đánh giá năm 2021 Công ty không hoàn thành kế hoạch đã đề ra, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục bị thua lỗ, các số liệu tài chính phản ánh vẫn còn tiềm ẩn những khó khăn, rủi ro do cấp bách, kéo dài đối với Công ty trong thời gian tiếp theo, nhất là trong bối cảnh hiện nay Công ty vẫn chưa triển khai được thêm công trình mới.

Về vốn chủ sở hữu: Đến thời điểm 31/12/2021 vốn chủ sở hữu của Công ty là 190.730.972.804 đồng, giảm so với số liệu vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 là 30.319.233.057 đồng tương ứng giảm 13,27%. Nguyên nhân do năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục bị thua lỗ dẫn đến vốn chủ sở hữu bị giảm.

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị bằng các phương pháp như sau:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ để xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời điều chỉnh chính sách và chiến lược kinh doanh của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế, phân tích đo lường rủi ro và giải quyết kịp thời các vấn đề, vướng mắc phát sinh.
- Ngoài các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị xem xét và cho ý kiến bằng văn bản với các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài kế hoạch hoặc vượt thẩm quyền của Ban Giám đốc.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, với tư cách là giám sát viên đại diện cho cổ đông. Hội đồng quản trị tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất của Ban Kiểm soát một cách cởi mở, từ đó cân nhắc trong các quyết định quản trị điều hành.
- Thành viên HĐQT/Phụ trách Hội đồng quản trị kiêm nhiệm nên thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng với Ban Giám đốc và cán bộ chủ chốt, nghe báo cáo, cùng phân tích theo sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, kịp thời nắm bắt tình hình thị trường và trạng thái kinh doanh để báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị xem xét điều chỉnh, ra quyết định khi thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bất thường.

Hội đồng quản trị bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và kịp thời xem xét để xử lý các phát sinh ngoài kế hoạch cũng như quyết định những nội dung vượt phân cấp của Ban Giám đốc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

1.2. Công tác giám sát:

Mặc dù năm 2021 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không khả quan, các chỉ tiêu đều không đạt so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Tuy nhiên, công ty cũng đang từng bước thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, từng bước hoàn thiện công tác quản trị nội bộ.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông. Tuy nhiên, trong năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, tài chính gặp khó khăn nên công tác triển khai một số công trình dự án còn chậm so với kế hoạch đề ra; công tác giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch chưa đạt yêu cầu; đặc biệt là việc thu hồi vốn SXKD từ các hợp đồng xây lắp.

a) Thực hiện giám sát công tác tài chính:

Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Giám đốc tập trung tổ chức quyết liệt công tác quyết toán và thu công nợ của các công trình đã thi công xong và đã được bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng, đặc biệt các công trình thuộc Vietsovpetro, Viện Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Thông qua ký hợp đồng với PVC)... Tuy nhiên, do quá trình từ khi thi công tới khi quyết toán trải qua trong một thời gian dài nên hiệu

quá công tác thu hồi công nợ không đạt được hiệu quả cao. Song song với công tác thi công cần phải đẩy nhanh làm hồ sơ thanh toán giai đoạn các công trình đang thi công để tạo nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

Đối với việc chi tiêu thường xuyên, theo Quy chế của Công ty, hàng tháng/quý/năm đều yêu cầu Ban điều hành công ty lập và báo cáo kế hoạch chi tiêu trước khi thực hiện.

b) Thực hiện giám sát công tác đầu tư:

Dự án Khu nhà ở CBCNV PVC-IC tại số 242 Nguyễn Hữu Cảnh: Đến nay đã hoàn tất công tác bán hàng, Công ty đã chuyển giao công tác quản lý và vận hành cho Ban quản trị Chung cư từ ngày 01/11/2016. Tuy nhiên còn năm (05) căn hộ cố tình trả ý không phối hợp cung cấp hồ sơ để xin cấp Chứng nhận quyền sử dụng đã kéo dài nhiều năm qua. Dự kiến trong năm 2022 công ty sẽ thực hiện biện pháp cứng rắn hơn để hoàn thành các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ dân này.

Dự án Khu phức hợp Thương Mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30/4, thành phố Vũng Tàu: Đến cuối năm 2019 đã thi công xong và được các cơ quan quản lý nhà nước nghiệm thu cho phép đưa vào sử dụng từ ngày 03/12/2019. Đến 31/12/2020 đã bán, bàn giao cho khách hàng toàn bộ 486/486 căn hộ và Khu trung tâm thương mại.

Cụ thể về công tác bán hàng và thu hồi công nợ của dự án như sau:

- ✓ Căn hộ: Đã ký hợp đồng bán được 486 căn hộ/tổng số 486 căn hộ, số tiền còn phải thu theo điều khoản Hợp đồng là 3.651.502.954 đồng;
- ✓ Trung tâm thương mại từ tầng 1 đến tầng 5: đã ký hợp đồng bán cho Công ty cổ phần Đầu tư Huy Thanh. Số tiền đã thu đến 31/12/2021 theo hợp đồng là: 119 tỷ/132 tỷ, số tiền còn phải thu theo điều khoản Hợp đồng là 13 tỷ đồng;

Nhìn chung, đối với công tác đầu tư kinh doanh bất động sản Ban điều hành cơ bản tuân thủ theo nội dung hợp đồng với khách hàng về thời gian thu tiền, một số trường hợp cố tình kéo dài thời gian Ban giám đốc nếu nhận thấy cần thiết thì có thể thực hiện biện pháp mạnh và cứng rắn hơn để đảm bảo thu tiền đúng tiến độ, tránh làm thiệt hại cho công ty.

c) Thực hiện công tác an toàn:

Những công trình do PVC-IC thi công đều đạt chất lượng tốt, bảo đảm được yêu cầu kỹ thuật, chất lượng của dự án. Công trình thi công xong bàn giao đưa vào sử dụng đều được Chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng, an toàn.

Năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện cắt giảm chi phí quản lý bằng cách cắt giảm lao động dôi dư, không thực hiện công tác an sinh xã hội. Mặc dù khó khăn Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm, chăm lo cho đời sống CBCNV, thực hiện việc chi trả lương đầy đủ.

d) Đầu tư tài chính: Công ty góp vốn đầu tư vào các công ty sau:

Mặc dù HĐQT chỉ đạo rất quyết liệt để Ban điều hành Công ty thoái toàn bộ số vốn góp này do không đạt hiệu quả đầu tư, tuy nhiên công tác thoái vốn gặp rất nhiều khó khăn vì Doanh nghiệp góp vốn kinh doanh không hiệu quả dẫn đến chưa thể thực hiện ngay theo kế hoạch. Giá trị vốn góp hiện nay như sau:

- ✓ Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt nam (PV-PIPE): Công ty đã giảm số vốn góp còn 50 triệu đồng chiếm 0,00272% vốn điều lệ (VĐL 1.838,5 tỷ đồng).
- ✓ Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch (Nhơn Trạch Shipyard): Công ty đã giảm vốn góp còn 2,89 tỷ đồng chiếm 0,96% vốn điều lệ (VĐL 300 tỷ đồng).
- ✓ Góp vốn vào Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát : 12.897.200.000 đồng

Hầu như các khoản góp vốn trên chưa mang lại hiệu quả cho Công ty, đến ngày 31/12/2021 Công ty đã phải trích lập dự phòng số tiền là 1.162.020.383 đồng.

e) Công tác đổi mới doanh nghiệp:

Tiếp tục chỉ đạo xem xét, cơ cấu lại tổ chức Công ty theo hướng giảm biên chế, tinh gọn, một cá nhân có thể phụ trách kiêm nhiệm nhiều công việc. Cho phép các thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức vụ quản lý tại các Doanh nghiệp khác, nhưng vẫn đảm bảo tỷ lệ thành viên HĐQT không tham gia công tác điều hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Tổ chức sát nhập các bộ phận/phòng ban chức năng theo hướng tinh gọn hoạt động hiệu quả.

f) Mối quan hệ với cổ đông:

HDQT thực hiện tốt việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên sàn giao dịch chứng khoán, Webservice Công ty, các kênh thông tin khác...

g) Công tác đoàn thể:

Hội đồng quản trị tạo điều kiện để các hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, và Chi hội Cựu chiến binh, đóng góp tích cực trong việc động viên cán bộ công nhân viên thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực, xây dựng nếp sống văn hoá doanh nghiệp Dầu khí.

2. Hoạt động của HDQT năm 2021

2.1. Công tác nhân sự năm 2021

Từ tháng 3/2021 đến tháng 10/2021 do tình hình dịch bệnh nên Công ty không thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo đúng kế hoạch ban đầu. Do đó nhân sự HDQT hầu như không thay đổi cho đến khi Đại hội được tổ chức vào ngày 28/12/2021, nhân sự từ đầu năm 2021 đến hết ngày 27/12/2021 như sau:

- 1) Ông Hồ Sỹ Hoàng - Thành viên HDQT, Phụ trách HDQT kiêm Giám đốc Công ty
- 2) Ông Nguyễn Văn Hoàn - Thành viên HDQT kiêm PGĐ Công ty
- 3) Ông Trần Ngọc Lâm - Thành viên độc lập HDQT

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/12/2021 đã bầu ra ba (03) thành viên HDQT mới, bao gồm:

- 1) Ông Hồ Sỹ Hoàng - Thành viên HDQT, Phụ trách HDQT
- 2) Ông Trần Ngọc Lâm - Thành viên HDQT
- 3) Ông Ngô Bùi Ngọc - Thành viên độc lập HDQT

Cũng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đã miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Hoàn không còn là Thành viên HDQT để tập trung chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh, miễn nhiệm ông Trần Ngọc Lâm thôi TV độc lập HDQT để nhận bầu làm TV HDQT;

2.2. Hoạt động của HDQT:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời và sát sao theo mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đồng thời Hội đồng quản trị đã duy trì chế độ họp định kỳ và

đợt xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua phiếu lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản để ra Nghị quyết, Quyết định kịp thời giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã tổ chức tốt cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Đồng thời HĐQT đã tiến hành tổ chức các cuộc họp thường kỳ và trong một số trường hợp đã gửi phiếu lấy ý kiến biểu quyết để giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát và hỗ trợ ban Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức họp 19 lần, trong đó 16 lần lấy phiếu ý kiến bằng văn bản; ban hành 15 Nghị quyết và 03 Quyết định

2.2.1. Tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát:

a) Tiền lương, thù lao của HĐQT:

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị năm 2021: **606.886.637 đồng**

Chi tiết như sau:

Giai đoạn từ 01/01/2021 đến hết ngày 27/12/2021:

- (1) Ông Hồ Sỹ Hoàng -Thành viên HĐQT Phụ trách HĐQT kiêm Giám đốc Công ty (Tiền lương): **292.555.973 đồng**
- (2) Ông Nguyễn Văn Hoàn - Thành viên HĐQT kiêm PGĐ Công ty (Tiền lương): **250.414.226 đồng**
- (3) Ông Trần Ngọc Lâm - Thành viên độc lập HĐQT (Thù lao): **46.750.000 đồng**

Giai đoạn từ 28/12/2021 đến hết ngày 31/12/2021:

- (1) Ông Hồ Sỹ Hoàng -Thành viên HĐQT, Phụ trách HĐQT (Tiền lương): **0 đồng**
- (2) Ông Trần Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT (Thù lao): **0 đồng**
- (3) Ông Ngô Bùi Ngọc - Thành viên độc lập HĐQT (Thù lao): **0 đồng**

Chi phí và lợi ích khác của HĐQT và từng Thành viên HĐQT:

Năm 2021 Công ty đã chi tiền công tác phí cho Thành viên độc lập HĐQT và Văn phòng Công ty dự họp, với số tiền chi trong năm là: 0 đồng.

Ngoài tiền lương và thù lao như báo cáo tại Mục 4.1 nêu trên và tiền công tác phí, Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT không có chi phí và lợi ích nào khác.

b) Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát:

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 với tổng chi phí là **297.896.271** đồng, cụ thể :

- (1) Bà Trần Thị Thành Huế - Trưởng ban (Tiền lương): **184.543.636** đồng
- (4) Bà Ngô Trúc Vy – Thành viên (Tiền lương): **101.352.635** đồng
- (5) Bà Ngô Thị Thu Hoài - Thành viên (Thù lao): **12.000.000** đồng

Chi phí và lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát không có chi phí và lợi ích nào khác ngoài tiền lương và thù lao như báo cáo nêu trên.

2.2.2. Phương hướng hoạt động năm 2022

a) Kế hoạch SXKD năm 2022:

Trên cơ sở tình hình SXKD năm 2021 và những tháng đầu năm 2022. Căn cứ Quyết định số 542/QĐ-XLTK ngày 25/02/2022 V/v “Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 cho PVC-IC”. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	300,0	
2	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	52,0	
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	42,0	
4	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	4,5	

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	Nhà nước			
5	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	9,8	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	

b) Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện.

1) Nhiệm vụ chung:

- Tập trung chỉ đạo điều hành, phát huy tối đa mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm 2022 để phát triển ổn định, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thực hiện công tác an sinh xã hội và tạo công ăn việc làm, thu nhập của cán bộ công nhân viên được đảm bảo; Kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng cường công tác kiểm soát, giám sát, thực hành tiết kiệm chi phí trong tất cả các hoạt động nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD.

2) Nhiệm vụ trọng tâm:

✓ **Thứ nhất “Thu hồi công nợ, khai thác cho thuê tài sản”:**

Tập trung và quyết liệt xử lý giải quyết thu hồi công nợ khách hàng, cá nhân, công nợ phải thu của hợp đồng xây lắp như: Hợp đồng Dự án Viện Dầu khí Việt Nam – Giai đoạn 1; Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang tồn đọng giá trị rất lớn và đặc biệt khoản tiền thanh toán dự án Viện Dầu khí – Giai đoạn 1 đang bị giữ tại NH OcenBank từ ngày 31/04/2014 đến nay chưa được sử dụng, cụ thể như sau:

- ⚡ **Ưu tiên thứ nhất:** Giải quyết dứt điểm các tồn tại, tranh chấp của Hợp đồng Viện Dầu khí – GD 1 để đi đến quyết toán, thanh lý Hợp đồng; Thực hiện thủ tục pháp lý theo quy định của Pháp luật để được sử dụng khoản tiền bị tạm giữ tại Ngân hàng OcenBank;
- ⚡ **Ưu tiên thứ 2:** Xử lý thu hồi dứt điểm công nợ cá nhân, hợp đồng tồn tại đã lâu. Có thể dùng biện pháp mạnh, cứng rắn hơn nếu bên nợ không hợp tác trả nợ theo thời hạn yêu cầu;

- ⚡ **Ưu tiên thứ 3:** Tập trung nhân lực rà soát kỹ xác nhận toàn bộ khối lượng thực hiện tại Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và Sông Hậu 1 để phục vụ công tác quyết toán, hạch toán chi phí.
- ⚡ **Ưu tiên thứ 4:** Tìm kiếm đối tác để cho thuê và khai thác tối đa thiết bị, tài sản hiện công ty đang sở hữu nhằm tăng nguồn thu để bù chi phí.

✓ **Thứ 2 “Xây dựng nội lực và Nâng cao uy tín của Công ty”:**

Việc xây dựng nội lực và nâng cao uy tín, sức cạnh tranh sẽ được HĐQT chú trọng sau khi nhiệm vụ “Thu hồi công nợ” được cơ bản hoàn thành. Cụ thể:

- ⚡ **Ưu tiên thứ nhất là:** trả nợ khoản thuế nhà nước, và nộp các khoản nợ tại các quyết định thi hành án nhằm gỡ bỏ Quyết định phong tỏa tài khoản thanh toán;
- ⚡ **Ưu tiên thứ 2 là:** trả nợ một phần cho các khách hàng là nhà cung cấp vật tư, nhà thầu phụ để giảm thiểu bị khách hàng kiện ra tòa án và lấy lại uy tín cho đơn vị;
- ⚡ **Ưu tiên thứ 3 là:** Đảm bảo trả lương cho CBCNV đúng thời hạn, nộp BHXH, BHYT để tạo lòng tin cho CBCNV;
- ⚡ **Ưu tiên thứ 4 là:** Xây dựng, tuyển dụng thêm nhân lực có trình độ cao, đầu tư thiết bị công nghệ mới để sẵn sàng tham gia nhận thầu, đấu thầu công trình/dự án nhằm lấy lại năng lực kinh nghiệm ngành nghề SXKD chính của Công ty.

✓ **Thứ 3 “Giải quyết dứt điểm các tồn tại”:**

- ⚡ Tập trung các nguồn lực để triển khai thi công hoàn thành các phần việc còn lại tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư. Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ chất lượng, công tác nghiệm thu thanh quyết toán, mục tiêu hoàn thành hợp đồng trong năm 2022;
- ⚡ Tiếp tục thực hiện công tác xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng và giao cho khách hàng còn tồn tại tại dự án Khu phức hợp Thương mại, Dịch vụ, Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, đường 30/4, TP.Vũng Tàu và thực hiện Quyết toán vốn dự án này trong năm 2022. Đồng thời giải quyết triệt để các vướng mắc tại dự án Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh nhằm phản ánh đúng các chỉ tiêu cũng như phản ánh đầy đủ của các chi phí hợp lý hợp lệ của dự án;

- ✚ Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn tại dự án bất động sản Chung cư Huỳnh Tấn Phát; Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt nam (PV-PIPE) và Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch (Nhơn Trạch Shipyard).
- ✚ Tiếp tục thực hiện công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức, rà soát, sắp xếp nhân sự đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của Công ty trong giai đoạn hiện nay.
- ✚ Phối hợp cùng với PVC Đẩy nhanh thủ tục để tỉnh UBND Bà Rịa - Vũng Tàu gia hạn thời gian thuê đất tại số 35G và 35D đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu để ổn định SXKD và làm trụ sở điều hành của Công ty trong thời gian tới.

✓ **Thứ 4 “Tìm kiếm việc làm”:**

- ✚ Tăng cường tiếp thị để nhận thi công xây lắp một số công trình/gói thầu có quy mô vừa và nhỏ, giá trị nhỏ phù hợp với nguồn tài chính hiện có của công ty nhằm duy trì hoạt động của Công ty.
- ✚ Mở rộng thêm ngành nghề cung cấp dịch vụ quản lý, bảo trì và vận hành các tòa nhà cao tầng, chung cư và nhà máy sản xuất để tăng doanh thu tạo thêm lợi nhuận.
- ✚ Trong trường hợp được Tổng Công ty mẹ hỗ trợ thêm tài chính, việc làm thì Công ty sẽ tiếp tục phát triển mạnh lĩnh vực kinh doanh cốt lõi có thể mạnh là xây lắp và đầu tư
- ✚ Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần trong khu vực.

✓ **Thứ 5 “Dần nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong tương lai”:**

- ✚ Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết đa dạng hóa về nguồn tài chính, công nghệ và thị trường.
- ✚ Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh giỏi.
- ✚ Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước bằng cách cơ cấu lại vốn điều lệ nếu Tổng công ty chấp thuận thoái vốn, để tạo ra loại

hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

- ✚ Nâng cao năng lực tài chính, bởi năng lực tài chính quyết định rất lớn đến khả năng trúng thầu của đơn vị. Đơn vị có năng lực tài chính đủ mạnh luôn luôn chiếm ưu thế trong giai đoạn đấu thầu - giai đoạn quyết định công ty có nhận được công trình thi công hay không. Do vậy, trong giai đoạn công ty phải minh bạch hóa nền tài chính, có kế hoạch tài chính rõ ràng, lành mạnh sẽ giúp cho Công ty tạo niềm tin và uy tín với đối tác trong và ngoài nước.
- ✚ Để đảm bảo việc đấu thầu thuận lợi, Công ty phải cần nâng cao năng lực của mình thông qua đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, đồng bộ, đảm bảo các công trình luôn luôn đạt đúng tiến độ đã đề ra.
- ✚ Chủ động nâng cao kinh nghiệm thi công công trình, trình độ tổ chức quản lý, các hoạt động marketing tìm kiếm thị trường, tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu, trình độ đội ngũ cán bộ lập hồ sơ dự thầu, quản lý tiến độ thi công, chất lượng công trình xây dựng, khả năng liên doanh, liên kết...
- ✚ Nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu đối với các dự án trong ngành, dẫn mở rộng ra thị trường ngoài ngành;
- ✚ Mở rộng và xây dựng các mối quan hệ tốt với các cấp, chủ đầu tư, nhà đầu tư:
 - + Thứ nhất, giữ vững mối quan hệ với các bên hữu quan như chủ đầu tư, khách hàng, tổ chức tín dụng... và tăng cường tìm kiếm khách hàng mới trên thương trường.
 - + Thứ hai, thực hiện kịp thời tiến độ thi công các công trình đảm bảo chất lượng. Với mỗi công trình, Công ty cần phải có kế hoạch cụ thể đối với từng giai đoạn thực hiện; lường trước những tình huống có thể phát sinh và có phương án đối phó, để đảm bảo hoàn thành tiến độ thi công.
 - + Thứ ba, ngoài việc hoàn thiện đầy đủ hồ sơ dự thầu các công trình, Công ty còn phải chủ động nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện hệ thống định mức tiêu hao chi phí xây dựng, để có thể tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm...
- ✚ Ưu tiên tập trung để xây dựng các tiêu chí sau:

- + *Thị phần của Công ty*
- + *Hiệu quả sản xuất kinh doanh*
- + *Chất lượng sản phẩm*
- + *Cơ sở vật chất, kỹ thuật công nghệ*
- + *Kinh nghiệm và năng lực thi công*

Để đạt được các chỉ tiêu trên, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết sức mình trong việc định hướng chiến lược phát triển Công ty, tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ sát sao hoạt động kinh doanh của Ban điều hành nhằm đạt được độ an toàn và hiệu quả cao nhất có thể cho đồng vốn đầu tư của các cổ đông tại Công ty

3) Đề xuất và kiến nghị:

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022, trên cơ sở đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và báo cáo Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp gần nhất.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

3.1 Công tác nhân sự năm 2021

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) được Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 bầu ba (03) thành viên (một thành viên làm Trưởng ban hoạt động chuyên trách, hai thành viên hoạt động kiêm nhiệm).

3.2 Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động của PVC-IC, cũng như tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

- 1) Thực hiện việc giám sát hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đối với Hội đồng quản trị và ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh; Đã thực hiện Giám sát tình hình tài chính của Công ty thông qua các báo cáo thường xuyên, định kỳ và các vấn đề phát sinh thuộc trách nhiệm giám sát của Ban kiểm soát.

- 2) Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 53/NQ-CNDD-ĐHĐCD ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.
- 3) Tham gia một số các cuộc họp liên tịch giữa HĐQT-BGĐ Công ty về việc sản xuất kinh doanh của Công ty;
- 4) Xem xét, đối chiếu rà soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý, Rà soát các báo cáo hàng quý của Ban giám đốc và trong các báo cáo của Ban kiểm soát điều kiện nghị, khuyến cáo Hội đồng quản trị, ban giám đốc những vấn đề cần triển khai, bổ sung, làm rõ.

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2021:

- 1) Ông Nguyễn Văn Hoàn – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty đã bán 3.200 cổ phiếu, số cổ phiếu nắm giữ đến 31/12/2021 là 0 cổ phiếu.
- 2) Ông Lê Ngọc Hoàng – Kế toán trưởng, người đại diện công bố thông tin của Công ty đã bán 3.000 cổ phiếu, số cổ phiếu nắm giữ đến 31/12/2021 là 100 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ cổ phiếu là 0,0003%.
- 3) Bà Ngô Thị Thu Hoài – Thành viên Ban kiểm soát Công ty đã mua 40.000 cổ phiếu, số cổ phiếu nắm giữ đến 31/12/2021 là 61.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ cổ phiếu là 0,2%.
- 4) Ông Lê Duy Chính – Bồ vợ ông Hồ Sỹ Hoàng – Thành viên phụ trách HĐQT của Công ty đã bán 2.893.000 cổ phiếu, số cổ phiếu nắm giữ đến 31/12/2021 là 99 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ cổ phiếu là 0,0003%.

5. Các giao dịch của Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó:

- Trong năm 2021, có ba giao dịch giữa Người có liên quan của Thành viên HĐQT với Công ty. Cụ thể:
 - + **Giao dịch thứ nhất:** giữa Công ty với ông Hồ Sĩ Hiệp là em trai ông Hồ Sỹ Hoàng - Phụ trách HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.
Hợp đồng số 01/2019/HDVT-PVC-IC ngày 19/12/2019, nội dung HĐ: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD; nộp thuế; trả lương, bảo hiểm và thanh toán nợ, trả nợ Pcombank. Giá trị hợp đồng: 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng). Đến 31/12/2021 đã trả hết nợ gốc là 9.700.000.000 đồng, lãi vay 686.717.258 đồng.
 - + **Giao dịch thứ hai:** giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh là doanh nghiệp do bà Đặng Thị Thanh góp vốn, làm chủ tịch HĐQT là chị dâu ông Hồ Sỹ Hoàng - Phụ trách HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

Hợp đồng số 20/2020/PVC-IC/KTKT-HT ngày 14/8/2020, nội dung HĐ: Thuê xe ô tô Fortuner 7 chỗ ngồi, biển kiểm soát 72A-429.38. Giá trị hợp đồng 576.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Số phải trả trong năm 2021 là: 240.000.000 đồng, số đã trả trong năm 2021 là: 216.000.000 đồng, số còn phải trả đến 31/12/2021 là: 96.000.000 đồng. Hợp đồng số 20/2020/PVC-IC/KTKT-HT ngày 14/8/2020 đã thanh lý ngày 15/12/2021.

- + **Giao dịch thứ ba:** giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh là doanh nghiệp do bà Đặng Thị Thanh góp vốn, làm chủ tịch HĐQT là chị dâu ông Hồ Sỹ Hoàng - Phụ trách HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

Hợp đồng mua bán sàn thương mại dịch vụ số 01/2017/HĐ/PVC-IC ngày 16/02/2017 Dự án Khu phức hợp Thương mại dịch vụ, Văn phòng và Căn hộ, Biên bản thỏa thuận ngày 24/03/2017 về việc “Chuyển giao quyền và nghĩa vụ tại Hợp đồng số 01/2017/HĐ/PVC-IC ngày 16/02/2017 ký kết giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp và Dân dụng Dầu khí và Ông Dương Minh Kỳ, ông Vũ Văn Thắng và bà Đặng Thị Thanh về việc mua bán diện tích sàn thương mại dịch vụ từ tầng 1 đến tầng kỹ thuật dịch vụ của dự án Khu phức hợp Thương mại dịch vụ, Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30/4, phường 9, TP.Vũng Tàu”. Giá trị hợp đồng và phụ lục hợp đồng là: 132.269.962.717 đồng (một trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, bảy trăm mười bảy đồng). Số phải trả trong năm 2021 là: 17.000.000.000 đồng, số đã trả trong năm 2021 là: 17.000.000.000 đồng, số còn phải trả đến 31/12/2021 là: 13.000.000.000 đồng.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



**GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HƯNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dàn dựng Dầu Khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Khái quát

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dàn dựng Dầu Khí là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 9 tháng 2 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; và
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị.

Trụ sở chính của Công ty tại số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 28/01/2022
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Phụ trách HĐQT	Đến ngày 28/01/2022
Ông Nguyễn Văn Hoành	Thành viên	Đến ngày 28/12/2021
Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên HĐQT độc lập	Đến ngày 28/12/2021
Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên	Từ ngày 28/12/2021
Ông Ngô Bùi Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập	Từ ngày 28/12/2021

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc	Đến ngày 10/01/2022
Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc	Từ ngày 10/01/2022
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hoành	Phó Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thành Huế	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Thu Hoài	Thành viên
Bà Ngô Trúc Vy	Thành viên

13/11/2022
13/11/2022
13/11/2022
13/11/2022

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Hưng

Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 21 tháng 3 năm 2022



Số : 50-Z/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số V.9 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 14.081.452.138 đồng là chi phí lợi thế kinh doanh của công trình cao ốc văn phòng 35D và 35K đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nếu ghi nhận đúng thì chi phí lợi thế kinh doanh này phải được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm trước và làm cho khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2021 và tại ngày 31/12/2021 giảm đi một khoản tương ứng.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021 trị giá 45.316.000.000 đồng ở Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Vũng Tàu ("Ngân hàng"). Hiện nay, Ngân hàng đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho khách hàng là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được tài liệu nào liên quan đến việc thực hiện chi trả một phần hoặc toàn bộ khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng này từ phía Ngân hàng. Do đó, Chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý và phù hợp của việc trình bày khoản tiền này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Phó Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4817-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		331.846.986.097	392.646.805.134
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.951.299.542	46.313.777.790
1. Tiền	111		635.299.542	997.777.790
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.316.000.000	45.316.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		138.914.429.604	207.162.857.843
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	190.923.418.450	260.908.136.355
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.417.563.988	2.924.805.921
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.577.899.500	9.334.367.889
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(56.004.452.322)	(66.004.452.322)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	146.981.256.951	139.170.169.501
1. Hàng tồn kho	141		147.948.746.327	141.784.546.716
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(967.489.376)	(2.614.377.215)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.014.964.630	38.230.611.421
I. Tài sản cố định	220		6.258.332.875	9.457.851.103
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	6.258.332.875	9.457.851.103
- Nguyên giá	222		64.522.080.963	67.604.721.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.263.748.088)	(58.146.870.824)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.081.452.138	14.081.452.138
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	14.081.452.138	14.081.452.138
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	14.675.179.617	14.691.308.180
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.837.200.000	15.837.200.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.162.020.383)	(1.145.891.820)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		366.861.950.727	430.877.416.555

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		176.130.977.923	209.827.210.694
I. Nợ ngắn hạn	310		163.228.389.339	196.049.092.528
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	84.251.222.728	109.053.783.579
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	18.663.185.405	18.668.322.132
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	26.288.002.656	27.607.531.415
4. Phải trả người lao động	314		515.000.000	839.108.871
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	423.195.472	1.553.220.267
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	32.525.712.862	27.276.682.048
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	500.000.000	10.750.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		62.070.216	300.444.216
II. Nợ dài hạn	330		12.902.588.584	13.778.118.166
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	12.902.588.584	13.778.118.166
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.730.972.804	221.050.205.861
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	190.730.972.804	221.050.205.861
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.519.193.263	14.519.193.263
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(123.788.220.459)	(93.468.987.402)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(93.468.987.402)	(43.463.769.673)
- LNST chưa phân phối kỳ nay	421b		(30.319.233.057)	(50.005.227.729)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		366.861.950.727	430.877.416.555

Người lập biểu

Phan Thị Ngọc Diệp
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng

Lê Ngọc Hoàng

Giám đốc



Nguyễn Quang Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		(18.524.457.559)	8.283.700.204
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	(18.524.457.559)	8.283.700.204
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.926.949.436	33.837.295.179
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(26.451.406.995)	(25.553.594.975)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.303.176.491	1.870.914.847
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	886.008.348	1.959.300.609
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		889.879.785	1.925.752.948
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.032.263.065	22.029.568.843
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(32.066.491.917)	(47.671.549.580)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.413.178.889	6.301.010.746
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.665.920.029	10.213.464.385
13. Lợi nhuận khác	40		1.747.258.860	(1.912.453.639)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(30.319.233.057)	(49.584.003.219)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	421.224.510
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(30.319.233.057)	(50.005.227.729)
18. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.011)	(1.667)

Người lập biểu

Phan Thị Ngọc Diệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng

Lê Ngọc Hoàng

Giám đốc



Nguyễn Quang Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(30.319.233.057)	(49.584.003.219)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.169.767.633	4.393.544.817
- Các khoản dự phòng	03	(2.506.288.858)	13.892.773.349
- (Lãi)/ổ từ hoạt động đầu tư	05	(1.501.607.714)	(2.446.971.223)
- Chi phí lãi vay	06	869.879.765	1.925.752.948
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(30.287.482.211)	(31.818.903.328)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	68.248.428.239	127.482.801.818
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.164.199.611)	38.154.920.114
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể tài vay phải trả: thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.214.314.472)	(111.482.706.771)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.987.894.502)	(1.340.939.608)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(238.374.000)	(14.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.356.163.443	20.980.622.225
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	228.181.818	877.818.182
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.303.176.491	1.870.914.847
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.531.358.309	2.748.733.029
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.500.000.000	300.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.750.000.000)	(24.214.360.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.250.000.000)	(23.914.360.659)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(362.478.248)	(185.005.405)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	46.313.777.790	46.498.783.195
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	45.951.299.542	46.313.777.790

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Quang Hưng

Phan Thị Ngọc Diệp

Lê Ngọc Hoàng

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dẫn dụng Dầu Khí là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 9 tháng 2 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dẫn dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp và dẫn dụng.
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; và
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Do đặc điểm hoạt động chủ yếu của Công ty làm trong lĩnh vực xây lắp, Công ty không có chu kỳ sản xuất kinh doanh cố định mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Công ty thực hiện.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

7. Nguyên tắc kế toán giao dịch hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

381
NG T
ĐIỂN
VỤ T
NỘI Đ
TỔM
LƯU V
H. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phát trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phần bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

19/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

22. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính; Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;
- Chi phí phải trả;
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	571.901.561	484.338.527
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.397.981	513.439.263
Các khoản tương đương tiền (*)	45.316.000.000	45.316.000.000
Cộng	45.951.299.542	46.313.777.790

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu theo các hợp đồng số VTA/2018/000002 ngày 25/01/2018, VTA/2018/000003 ngày 30/01/2018, 790/2019/00012/HĐTĐ ngày 10/12/2019 và 790/2020/00006/HĐTĐ ngày 07/05/2020 và các Thông báo gia hạn hợp đồng liên gửi.

2. Đầu tư tài chính dài hạn

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.837.200.000	(1.162.020.383)	15.837.200.000	(1.145.891.820)
+ Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	(1.162.020.383)	2.890.000.000	(1.145.891.820)
+ Dự án Chung cư Long Sơn Riverside (*)	12.897.200.000	-	12.897.200.000	-

(*) Công ty nhận chuyển nhượng khoản vốn góp trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng và Đô Thị Dầu khí (Petroland) để đổi trừ công nợ phải thu từ Petroland. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" trên khu đất có diện tích 4.863 m² tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh. Khi dự án hoàn thành, các bên được phân chia sản phẩm và lợi nhuận tương ứng với giá trị vốn góp.

Tại ngày 31/12/2021, dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" đã thi công xong. Ban Giám đốc Công ty đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, không có rủi ro tổn thất và theo đó không

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản đối với khoản góp vốn vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2021 chưa được trình bày trên phần Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	190.923.416.460	250.908.136.355
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	21.759.494.013
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	94.535.229.166	139.013.705.783
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	26.096.125.925
- Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh	13.000.000.000	30.000.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	35.532.569.356	44.038.610.634
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	131.309.885.070	175.386.032.137
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	94.535.229.166	139.013.705.783
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	26.096.125.925
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	71.488.482	71.488.482
- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	8.538.696.871	8.136.367.321
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	2.417.563.966	2.924.805.921
Cộng	2.417.563.966	2.924.805.921

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	11.577.899.500	9.334.367.889
- Công ty Cổ phần điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	3.268.873.511
- Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	2.385.147.764	2.694.399.461
- Phải thu khác	5.923.878.225	3.371.094.917
b) Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	903.194.955	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	-	26.096.125.925	26.096.125.925	-	26.096.125.925
- Công ty Cổ phần điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.458.295.925	-	3.458.295.925	3.458.295.925	-	3.458.295.925
- Bệnh viện Việt Nam Cu Ba	3.819.490.482	-	3.819.490.482	3.819.490.482	-	3.819.490.482
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	-	2.068.344.626	2.068.344.626	-	2.068.344.626
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	21.759.494.013	-	21.759.494.013
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	-	-	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.159.502.663	-	2.159.502.663	2.159.502.663	-	2.159.502.663
b) Phải thu ngắn hạn khác						
- Công ty Cổ phần điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	-	3.268.873.511	3.268.873.511	-	3.268.873.511
- Các đối tượng khác	3.374.325.177	-	3.374.325.177	3.374.325.177	-	3.374.325.177
Cộng	66.004.452.322	-	66.004.452.322	66.004.452.322	-	66.004.452.322

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.249.316.442	(967.489.376)	5.458.287.788	(2.614.377.215)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	146.699.429.885	-	136.326.258.950	-
Cộng	1.479.948.746.327	(967.489.376)	1.411.784.548.716	(2.614.377.215)

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công trình Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	33.416.632.253	31.037.331.750
Công trình thi công một số hạng mục tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu	39.810.200.356	39.534.416.649
Công trình thi công một số hạng mục tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Thái Bình	71.393.409.405	63.639.685.852
Công trình Viên dầu khí - giai đoạn 2	1.853.714.647	1.853.714.647
Các công trình khác	225.473.224	261.110.052
Cộng	146.699.429.885	136.326.258.950

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.299.859.621	41.385.477.619	7.485.264.464	2.434.120.223	67.604.721.927
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	949.945.000	1.239.836.464	892.859.500	3.082.640.964
- Thanh lý, nhượng bán	-	949.945.000	1.239.836.464	892.859.500	3.082.640.964
Số dư cuối năm	16.299.859.621	40.435.532.619	6.245.428.000	1.541.260.723	64.522.080.963
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.134.511.558	30.475.400.269	5.102.838.774	2.434.120.223	58.146.870.824
Khấu hao trong năm	1.246.316.446	1.507.089.345	416.361.840	-	3.169.767.633
Số giảm trong năm	-	920.194.405	1.239.836.464	892.859.500	3.052.890.369
- Thanh lý, nhượng bán	-	920.194.405	1.239.836.464	892.859.500	3.052.890.369
Số dư cuối năm	14.380.828.006	37.062.295.209	5.279.364.150	1.541.260.723	58.263.748.188
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.165.348.063	4.910.077.350	1.382.425.690	-	9.457.851.103
Tại ngày cuối năm	1.919.031.615	3.373.237.410	966.063.850	-	6.258.332.875

	31/12/2021	01/01/2021
Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.005.756.814	19.005.756.814

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Cao ốc Văn phòng 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (*)	7.358.452.138	7.358.452.138
Cao ốc Văn phòng 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (*)	6.723.000.000	6.723.000.000
Cộng	14.081.452.138	14.081.452.138

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 2 khu cao ốc văn phòng tại 35D và 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu bao gồm lợi thế kinh doanh được phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của các thửa đất và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện dự án.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	84.251.222.728	109.053.783.579
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Xây dựng Phú Mỹ (PMEC)	2.654.156.954	2.654.156.954
- Công ty TNHH xây dựng thương mại Hoàng Đạt	4.716.816.232	14.267.295.836
- Công ty TNHH Hồ Châu	3.113.741.947	3.678.812.211
- Công ty TNHH Nghĩa Thành	3.075.658.601	3.075.658.601
- Công ty TNHH Thanh Huyền Vũng Tàu	2.075.816.680	2.204.758.670
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	8.321.903.344	8.321.903.344
- Công ty TNHH Kỹ Nghệ Toán Tâm	2.230.273.040	2.430.273.040
- Công ty Cổ phần Bê tông Thành Nam	6.650.312.248	6.650.312.248
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	8.608.599.625	8.608.599.625
- Công ty TNHH Hirose Maruken Việt Nam	-	1.403.625.963
- Công ty TNHH nhôm kính Sài Gòn Window	726.403.751	3.419.214.480
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	42.077.639.306	52.339.172.705
b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	12.271.538.293	12.046.852.783
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	8.608.599.625	8.608.599.625
- Công ty Cổ phần thi công cơ giới và lắp máy Dầu khí	2.775.388.658	2.775.388.658
- Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	432.543.402	207.857.892
- Tổng Công ty tư vấn thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	259.778.108	259.778.108
- Công ty Cổ phần kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	195.228.500	195.228.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18.663.185.405	18.668.322.132
- Người mua trả tiền trước mua chung cư tại tòa nhà 33A, đường 30/4	-	27.036.727
- Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	17.612.939.300	17.612.939.300
- Các đối tượng khác	1.050.246.105	1.028.346.105
b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan	18.458.040.405	18.458.040.405
- Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	17.612.939.300	17.612.939.300
- Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí	845.101.105	845.101.105

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp/ (hoàn nhập) trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
				Đơn vị tính: VND
Thuế giá trị gia tăng	12.761.441.986	(2.227.808.848)	3.619.480.791	6.914.152.347
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.790.664.747	-	-	3.790.664.747
Thuế thu nhập cá nhân	248.246.361	102.502.835	112.521.345	238.227.851
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.908.835.356	2.328.936.215	-	6.237.771.571
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí và lệ phí khác	6.698.342.965	2.215.493.175	6.650.000	9.107.186.140
Cộng	27.607.531.415	2.422.123.377	3.741.652.136	26.288.002.656

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình do Công ty thực hiện	423.195.472	1.553.220.267
Cộng	423.195.472	1.553.220.267

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.731.292.252	1.247.588.144
- Phải trả phí bảo trì Chung cư 33A đường 30/4	13.357.070.275	13.503.179.664
- Tiền lãi vay phải trả	1.823.255.395	2.941.270.112
- Phải trả khác	15.614.094.940	9.584.644.138
Cộng	32.525.712.862	27.276.682.048

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Đơn vị tính: VND					
	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	7.500.000.000	17.750.000.000	10.750.000.000	10.750.000.000
+ Vay cá nhân (*)	500.000.000	500.000.000	7.500.000.000	17.750.000.000	10.750.000.000	10.750.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	7.500.000.000	17.750.000.000	10.750.000.000	10.750.000.000

(*) Là khoản vay bà Lê Thị Tố Nga theo hợp đồng số 15/2016 với lãi suất từ 9,5%/năm và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Khoản vay này có thời hạn dưới 12 tháng. Mục đích các khoản vay là bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.

16. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng dài hạn	12.902.588.584	13.778.118.166
- Công trình Tòa nhà số 33A, đường 30/4, phường 9, TP.Vũng Tàu	12.902.588.584	13.778.118.166
Cộng	12.902.588.584	13.778.118.166

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	14.519.193.263	(43.483.759.673)	271.055.433.600
Lỗ trong năm trước			(50.005.227.729)	(50.005.227.729)
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	14.519.193.263	(93.468.987.402)	221.050.205.861
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	14.519.193.263	(93.468.987.402)	221.050.205.861
Lỗ trong năm nay			(30.319.233.057)	(30.319.233.057)
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	14.519.193.263	(123.788.220.459)	190.730.972.804

b) **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021 VND	%	01/01/2021 VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51,00	153.000.000.000	51,00
Vốn góp của các đối tượng khác	147.000.000.000	49,00	147.000.000.000	49,00
Cộng	300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000

d) **Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu thuần	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	(26.706.466.499)	(38.725.909.382)
Doanh thu kinh doanh bất động sản	(57.044.503)	39.365.591.815
Doanh thu thuần hoạt động khác	8.239.053.442	7.644.017.771
Cộng	(18.524.457.559)	8.283.700.204
b) Doanh thu thuần đối với các bên liên quan		
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.2		

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	472.170.201	(14.201.089.106)
Giá vốn kinh doanh bất động sản	(48.797.230)	37.259.459.264
Giá vốn hoạt động khác	9.150.464.304	8.164.537.806
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.648.887.839)	2.614.377.215
Cộng	7.926.949.436	33.837.295.179

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.303.176.491	1.870.914.847
Cộng	1.303.176.491	1.870.914.847

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	869.879.785	1.925.752.948
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.128.563	33.547.661
Cộng	886.008.348	1.959.300.609

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.361.522.765	3.074.601.389
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	-	11.926.630.620
Các khoản chi phí quản lý khác	4.670.730.300	7.028.336.834
Cộng	6.032.253.065	22.029.568.843

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản	198.431.223	676.056.376
Thu nhập khác	6.214.747.668	7.724.954.370
Cộng	6.413.178.889	8.301.010.746

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	2.215.493.175	5.654.216.131
Chi phí khác	2.450.426.854	4.559.248.254
Cộng	4.665.920.029	10.213.464.385

B. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(30.519.233.057)	(49.564.003.219)
Các khoản điều chỉnh	2.215.493.175	5.654.216.131
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.215.493.175	5.654.216.131
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(28.303.739.882)	(43.909.787.088)
Trong đó:		
+ Lỗ trước thuế từ hoạt động kinh doanh thông thường	(28.095.492.609)	(46.035.909.639)
+ Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản chịu thuế suất thông thường	(6.247.273)	2.106.122.551
+ Thuế suất 20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	421.224.510

Công ty không thực hiện ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong năm do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai để thu hồi tài sản thuế thu nhập hoãn lại nếu được ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.319.233.057)	(50.005.227.729)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(30.319.233.057)	(50.005.227.729)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.011)	(1.667)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.439.491.287	2.315.853.697
Chi phí nhân công	7.113.429.592	7.082.082.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.169.767.833	4.393.544.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.868.647.450	(13.336.664.451)
Chi phí dự phòng	(1.646.887.839)	14.541.007.835
Chi phí khác bằng tiền	1.773.348.096	4.214.439.466
Cộng	21.717.996.221	19.214.293.946

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty bao gồm lương, thưởng và các khoản khác trong năm như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Thành viên (đến ngày 28/12/2021)	-	-
Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên	46.750.000	62.500.000
Ông Ngô Bùi Ngọc	Thành viên độc lập HĐQT (từ ngày 10/01/2022)	-	-
Ông Lê Minh Hải	Thành viên (đến ngày 29/06/2020)	-	167.676.046
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Trần Thị Thành Huế	Trưởng BKS	-	-
Bà Ngô Thị Thu Hải	Thành viên	14.000.000	13.000.000
Bà Ngô Trúc Vy	Thành viên	-	13.000.000
Ông Phùng Văn Công	Trưởng BKS (đến ngày 29/06/2020)	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

		Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Giám đốc			
Lương, thưởng và phúc lợi khác			
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc (đến ngày 10/01/2022)	292.555.973	316.279.410
Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc (từ ngày 10/01/2022)	-	-
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	260.844.953	266.752.227
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	274.893.455	282.905.818
Những người quản lý khác			
Lương, thưởng và phúc lợi khác			
		184.543.636	212.694.817
Cộng		1.063.688.017	1.324.807.318

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ phát sinh với các bên liên quan đã thuyết minh ở trên, Công ty còn phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bên liên quan	Thu tiền sử dụng điện Cho thuê điểm đặt cây ATM	21.965.491 42.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	Giảm doanh thu xây lắp liên quan đến khối lượng hoàn thành công trình giai đoạn 1 "Trung tâm phân tích thí nghiệm và vận phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh"	(26.706.466.498)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp và kinh doanh bất động sản, do đó báo cáo tài chính bộ phận trong năm được phân theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

	Đơn vị tính: VND			Tổng cộng
	Dịch vụ Xây lắp	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ khác	
Doanh thu thuần từ bán hàng	(26.706.466.498)	(57.044.503)	8.239.053.442	(18.524.457.559)
Giá vốn	472.170.201	(48.797.230)	7.503.576.465	7.926.949.436
Lợi nhuận gộp	(27.178.636.699)	(8.247.273)	735.476.977	(26.451.406.995)
Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý				6.032.253.055
Kết quả hoạt động kinh doanh	(27.178.636.699)	(8.247.273)	735.476.977	(32.483.660.060)
Doanh thu tài chính				1.303.176.491
Chi phí tài chính				866.008.348
Thu nhập khác	6.413.178.689			6.413.178.689
Chi phí khác	4.665.920.029			4.665.920.029
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Tổng lợi nhuận sau thuế	(25.431.377.839)	(8.247.273)	735.476.977	(30.319.233.057)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 như sau:

	Đơn vị tính: VND			Tổng cộng
	Dịch vụ Xây lắp	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ khác	
Doanh thu thuần từ bán hàng	(38.725.909.382)	39.385.591.815	7.644.017.771	8.283.700.204
Giá vốn	(14.201.089.106)	37.259.469.264	10.776.915.021	33.837.295.179
Lợi nhuận gộp	(24.524.820.276)	2.106.122.551	(3.134.897.250)	(25.553.594.975)
Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý				22.029.568.843
Kết quả hoạt động kinh doanh	(24.524.820.276)	2.106.122.551	(3.134.897.250)	(47.583.163.816)
Doanh thu tài chính				1.870.914.647
Chi phí tài chính				1.959.300.609
Thu nhập khác	6.301.010.746			6.301.010.746
Chi phí khác	10.213.464.365			10.213.464.365
Chi phí thuế TNDN hiện hành		421.224.510		421.224.510
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Tổng lợi nhuận sau thuế	(26.437.273.915)	1.684.898.041	(3.134.897.250)	(50.005.227.729)

Các chỉ tiêu tài sản và nợ phải trả chủ yếu liên quan đến bộ phận kinh doanh dịch vụ xây lắp, bất động sản và được trình bày trong các thuyết minh liên quan trong các báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	115.968.838.810	12.902.588.584	128.871.427.394
Vay và nợ thuê tài chính	500.000.000	-	500.000.000
Phải trả cho người bán	84.251.222.728	-	84.251.222.728
Chi phí phải trả	423.195.472	-	423.195.472
Dự phòng phải trả	-	12.902.588.584	12.902.588.584
Các khoản phải trả khác	30.794.420.610	-	30.794.420.610
Số đầu năm	147.386.097.750	13.778.118.166	161.164.215.916
Vay và nợ thuê tài chính	10.750.000.000	-	10.750.000.000
Phải trả cho người bán	109.053.783.579	-	109.053.783.579
Chi phí phải trả	1.553.220.267	-	1.553.220.267
Dự phòng phải trả	-	13.778.118.166	13.778.118.166
Các khoản phải trả khác	26.029.093.904	-	26.029.093.904



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương tại của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Những thông tin khác

Do ảnh hưởng của những biến động của nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chưa định các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của các vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2021, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Phan Thị Ngọc Diệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng

Lê Ngọc Hoàng

Giám đốc

Nguyễn Quang Hưng



Số: 165/CNDD-TCTH

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 3 năm 2022

V/v: Giải trình một số nội dung trên Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM

Trước hết Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dẫn dụng Dầu khí (PVC-IC) xin gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM lời chào trân trọng.

Nhằm làm rõ một số nội dung trên Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dẫn dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") xin có một số ý kiến giải trình như sau:

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

* Như trình bày tại Thuyết minh số V.9 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 14.081.452.138 đồng là chi phí lợi thế kinh doanh của công trình cao ốc văn phòng 35D và 35K đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nếu ghi nhận đúng thì chi phí lợi thế kinh doanh này phải được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm trước và làm cho khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2021 và tại ngày 31/12/2021 giảm đi một khoản tương ứng.

Giải trình của Công ty: Hiện tại Công ty đang làm thủ tục xin gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất tại khu cao ốc văn phòng số 35D và 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, mặc dù Hợp đồng thuê đất đã hết hạn và Công ty đã làm các thủ tục trình lên các sở ban ngành của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xin gia hạn Hợp đồng. Tuy nhiên, các thủ tục về đất tại các cấp thẩm quyền liên quan của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hiện tại vẫn chưa xong, nên Công ty vẫn chưa thể gia hạn Hợp đồng thuê đất. Nhưng hàng năm Công ty vẫn nộp đầy đủ tiền thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế Khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo. Công ty đã làm việc cùng các sở ngành tại địa phương để hoàn thành Hợp đồng thuê đất của 02 Dự án trên. Ở thời điểm hiện tại, việc đánh giá về giá trị có thể thu hồi và tính khả thi trong tương lai của các dự án này và đưa ra các bằng chứng rõ ràng là rất khó vì các thông tin trên thị trường là không đầy đủ. Ngoài ra, các dự án này mới đang trong giai đoạn thi công, đầu tư hoặc chuẩn bị đầu tư. Tuy nhiên, các vị trí mà Công ty thực hiện dự án là những khu vực có vị trí địa lý đẹp, thuận lợi nên Ban Giám đốc tin tưởng rằng các dự án này sẽ mang lại lợi nhuận cho Công ty trong tương lai. Do đó, Công ty không phân bổ khoản chi phí này vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm trước.

* Như trình bày tại Thuyết minh số V.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 01/01/2021 và tại ngày 31/12/2021, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng trị giá 45.316.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu ("Ngân hàng"), hiện Ngân hàng đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho khách hàng là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được tài liệu nào liên quan đến việc thực hiện chi trả một phần hoặc toàn bộ khoản



tiền gửi kỳ hạn 01 tháng này từ phía Ngân hàng. Do đó, Chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý và phù hợp của việc trình bày khoản tiền này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021.

Giải trình của Công ty:

Tại ngày 11 tháng 5 năm 2017, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có Công văn số 676/TTGSNH1.m về việc đề nghị chuyển tiền trong tài khoản mở tại Oceanbank gửi Ban kiểm soát đặc biệt Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương để chỉ đạo việc thực hiện chi trả số tiền trên.

Theo Công văn số 2560/2017/CV-OCEANBANK ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) phúc đáp Công văn số 534/CNDD-TCKT ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Công ty, Oceanbank đang chờ Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt để thực hiện việc chi trả.

Theo Công văn số 214/2019/CV-PGD/CNVN ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) phúc đáp Công văn số 280/CNDD-TCTH ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Công ty, Oceanbank tạm dừng việc chi trả là do Công ty là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và sẽ thực hiện chi trả khi có chỉ đạo từ chính phủ và Ngân hàng nhà nước.

Theo Công văn số 2182/2020/CV-OCEANBANK .01.01 ngày 18 tháng 06 năm 2020 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) phúc đáp Công văn số 398/CNDD-TCTH ngày 10 tháng 06 năm 2020 của Công ty, Oceanbank tạm dừng việc chi trả là do Công ty là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và sẽ thực hiện chi trả khi có chỉ đạo từ chính phủ và Ngân hàng nhà nước.

Theo công văn số 542/2020/CV-PGD.PTCN ngày 07 tháng 09 năm 2020 của Oceanbank chi nhánh Vũng Tàu phúc đáp công văn số 809/CNDD-TCTH ngày 31/08/2020 của Công ty, sẽ thực hiện chi trả khi có chỉ đạo từ chính phủ và Ngân hàng nhà nước.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí để làm rõ một số nội dung trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM xem xét.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TC-TH, (lính, 4)

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HÙNG



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Số: 23-2/CV-AASCN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Về việc: *Xác nhận giải trình của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí liên quan đến nội dung tại Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021*

Thưa Quý Công ty,

Chúng tôi phúc đáp Công văn số 164/CNDD-TCTH ngày 23 tháng 03 năm 2022 của Quý Công ty gửi cho Công ty kiểm toán về việc giải trình các vấn đề ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán độc lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí. Chúng tôi nhận thấy ý kiến giải trình tại công văn số 165/CNDD-TCTH ngày 23 tháng 03 năm 2022 của Quý Công ty gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là phù hợp với các giải trình mà Công ty đã cung cấp cho kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán, các vấn đề này đã được chúng tôi trình bày trong Báo cáo kiểm toán độc lập số 50-2/BCKT/TC ngày 23 tháng 03 năm 2022 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Quý Công ty.

Trân trọng,

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Phòng hành chính

